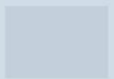


Hướng dẫn sử dụng

Chất lượng, Thiết kế và Đổi mới



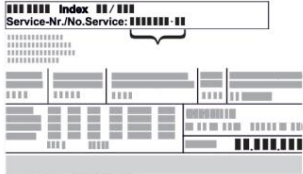





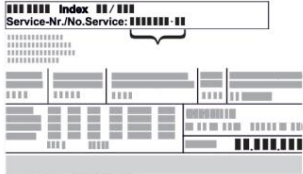





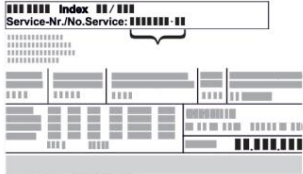






home.liebherr.com/fridge-manuals



LIEBHERR

Nội dung

1	Tổng quan về thiết bị.....	3	7.3	Tin nhắn.....	15												
1.1	Phạm vi cung cấp.....	3	7.3.1	Tổng quan về cảnh báo.....	15												
1.2	Tổng quan về thiết bị và đồ dùng.....	3	7.3.2	Cảnh báo kết thúc.....	15												
1.3	Thiết bị thông minh.....	3	7.3.3	Tổng quan về lời nhắc nhở.....	16												
1.4	Phạm vi sử dụng của thiết bị.....	3	8	Tính năng.....	16												
1.5	Sự phù hợp.....	4	8.1	Ngăn kéo.....	16												
1.6	Các chất SVHC theo quy định REACH.....	4	8.2	Kệ kính.....	17												
1.7	Cơ sở dữ liệu EPREL.....	4	8.3	VarioSpace.....	18												
1.8	Lĩnh kiện thay thế.....	4	9	Bảo trì.....	18												
2	Hướng dẫn an toàn chung.....	4	9.1	Tháo rời / lắp ráp hệ thống kéo ra.....	18												
3	Chức năng của màn hình cảm ứng.....	5	9.2	Rã đông thiết bị.....	19												
3.1	Điều hướng và giải thích ký hiệu.....	5	9.3	Vệ sinh thiết bị.....	19												
3.2	Thực đơn.....	6	10	Trợ giúp khách hàng.....	20												
3.3	Chế độ ngủ.....	6	10.1	Thông số kỹ thuật.....	20												
4	Đưa vào hoạt động.....	7	10.2	Tiếng ồn khi vận hành.....	20												
4.1	Bật thiết bị (lần đầu sử dụng).....	7	10.3	Lỗi kỹ thuật.....	21												
5	Lưu trữ.....	7	10.4	Dịch vụ khách hàng.....	22												
5.1	Thông tin về lưu trữ.....	7	10.5	Tấm mô hình.....	22												
5.2	Ngăn đông.....	7	11	Tắt máy.....	22												
5.3	Thời gian lưu trữ.....	8	12	Xử lý.....	22												
6	Tiết kiệm năng lượng.....	8	12.1	Chuẩn bị thiết bị để xử lý.....	22												
7	Kiểm soát.....	8	12.2	Vứt bỏ thiết bị theo cách thân thiện với môi trường cách xử thân thiện.....	22												
7.1	Điều khiển và hiển thị.....	8	Nhà sản xuất liên tục làm việc trên hơn nữa phát triển tất cả các loại và mô hình. Xin lưu ý rằng chúng tôi có quyền thay đổi hình dạng, trang bị trí tuệ và công nghệ.														
7.1.1	Hiển thị trạng thái.....	8	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Giải thích biểu tượng</th> <th>Tư vấn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td> <p>Đọc hướng dẫn</p> <p>Vui lòng đọc thông tin trong hướng dẫn này cẩn thận để hiểu tất cả các lợi ích của thiết bị mới của bạn.</p> </td> </tr> <tr> <td></td> <td> <p>Thông tin bổ sung trên Internet</p> <p>Sổ tay kỹ thuật số có thông tin bổ sung và các ngôn ngữ khác có thể được tìm thấy thông qua mã QR ở mặt trước của hướng dẫn sử dụng hoặc bằng cách nhập số dịch vụ tại home.liebherr.com/fridge-manuals.</p> <p>Số dịch vụ có thể được tìm thấy trên số sê-ri như sau:</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Hình. Ví dụ minh họa</p> </td> </tr> <tr> <td></td> <td> <p>Kiểm tra thiết bị</p> <p>Kiểm tra tất cả các bộ phận để xem có hư hỏng khi vận chuyển không. Nếu bạn có bất kỳ khiếu nại nào, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc dịch vụ khách hàng.</p> </td> </tr> <tr> <td></td> <td> <p>Sự khác biệt</p> <p>Những hướng dẫn này áp dụng cho nhiều loại mô hình, vì vậy sự khác biệt là có thể. Các phần mà chỉ áp dụng cho một số mẫu nhất định được đánh dấu bằng dấu hoa thị (*).</p> </td> </tr> <tr> <td></td> <td> <p>Hướng dẫn và kết quả</p> <p>Hướng dẫn được đánh dấu bằng dấu . ▶</p> <p>Kết quả được đánh dấu bằng dấu . ▷</p> </td> </tr> </tbody> </table>			Giải thích biểu tượng	Tư vấn		<p>Đọc hướng dẫn</p> <p>Vui lòng đọc thông tin trong hướng dẫn này cẩn thận để hiểu tất cả các lợi ích của thiết bị mới của bạn.</p>		<p>Thông tin bổ sung trên Internet</p> <p>Sổ tay kỹ thuật số có thông tin bổ sung và các ngôn ngữ khác có thể được tìm thấy thông qua mã QR ở mặt trước của hướng dẫn sử dụng hoặc bằng cách nhập số dịch vụ tại home.liebherr.com/fridge-manuals.</p> <p>Số dịch vụ có thể được tìm thấy trên số sê-ri như sau:</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Hình. Ví dụ minh họa</p>		<p>Kiểm tra thiết bị</p> <p>Kiểm tra tất cả các bộ phận để xem có hư hỏng khi vận chuyển không. Nếu bạn có bất kỳ khiếu nại nào, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc dịch vụ khách hàng.</p>		<p>Sự khác biệt</p> <p>Những hướng dẫn này áp dụng cho nhiều loại mô hình, vì vậy sự khác biệt là có thể. Các phần mà chỉ áp dụng cho một số mẫu nhất định được đánh dấu bằng dấu hoa thị (*).</p>		<p>Hướng dẫn và kết quả</p> <p>Hướng dẫn được đánh dấu bằng dấu . ▶</p> <p>Kết quả được đánh dấu bằng dấu . ▷</p>
Giải thích biểu tượng	Tư vấn																
	<p>Đọc hướng dẫn</p> <p>Vui lòng đọc thông tin trong hướng dẫn này cẩn thận để hiểu tất cả các lợi ích của thiết bị mới của bạn.</p>																
	<p>Thông tin bổ sung trên Internet</p> <p>Sổ tay kỹ thuật số có thông tin bổ sung và các ngôn ngữ khác có thể được tìm thấy thông qua mã QR ở mặt trước của hướng dẫn sử dụng hoặc bằng cách nhập số dịch vụ tại home.liebherr.com/fridge-manuals.</p> <p>Số dịch vụ có thể được tìm thấy trên số sê-ri như sau:</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Hình. Ví dụ minh họa</p>																
	<p>Kiểm tra thiết bị</p> <p>Kiểm tra tất cả các bộ phận để xem có hư hỏng khi vận chuyển không. Nếu bạn có bất kỳ khiếu nại nào, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc dịch vụ khách hàng.</p>																
	<p>Sự khác biệt</p> <p>Những hướng dẫn này áp dụng cho nhiều loại mô hình, vì vậy sự khác biệt là có thể. Các phần mà chỉ áp dụng cho một số mẫu nhất định được đánh dấu bằng dấu hoa thị (*).</p>																
	<p>Hướng dẫn và kết quả</p> <p>Hướng dẫn được đánh dấu bằng dấu . ▶</p> <p>Kết quả được đánh dấu bằng dấu . ▷</p>																
7.1.2	Hiển thị ký hiệu.....	8															
7.2	Chức năng của thiết bị.....	9															
7.2.1	Ghi chú về chức năng của thiết bị.....	9															
	Tắt và bật thiết bị.....	9															
	Wi-Fi.....	9															
	Nhiệt độ.....	10															
	Đơn vị nhiệt độ.....	10															
	Siêu băng giá.....	11															
	Bắt đầu chu trình xả đông*.....	11															
	Chế độ tiệc tùng.....	11															
	Chế độ ngày Sa-bát.....	12															
	E-Saver.....	12															
	Độ sáng màn hình.....	13															
	Chuông cửa.....	13															
	Khóa đầu vào.....	13															
	Thông tin thiết bị.....	14															
	Phần mềm.....	14															
	Chế độ demo.....	14															
	Khôi phục cài đặt gốc.....	15															

Giải thích biểu tượng	
	Video Video về các thiết bị có sẵn trên kênh YouTube của Liebherr-Hausgeräte.

Giấy phép nguồn mở: Thiết bị

bị chứa các thành phần phần mềm sử dụng giấy phép nguồn mở. Thông tin về các giấy phép nguồn mở được sử dụng có thể tìm thấy tại đây: home.liebherr.com/open-source-licences Các hướng dẫn vận hành này áp dụng cho:

NẾU(N)(S)...	35.. / 39..
SIFN(S)...	51..

Lưu ý

ý Nếu thiết bị của bạn có chữ N trong ký hiệu thiết bị thì đó là thiết bị NoFrost.*

1 Tổng quan về thiết bị

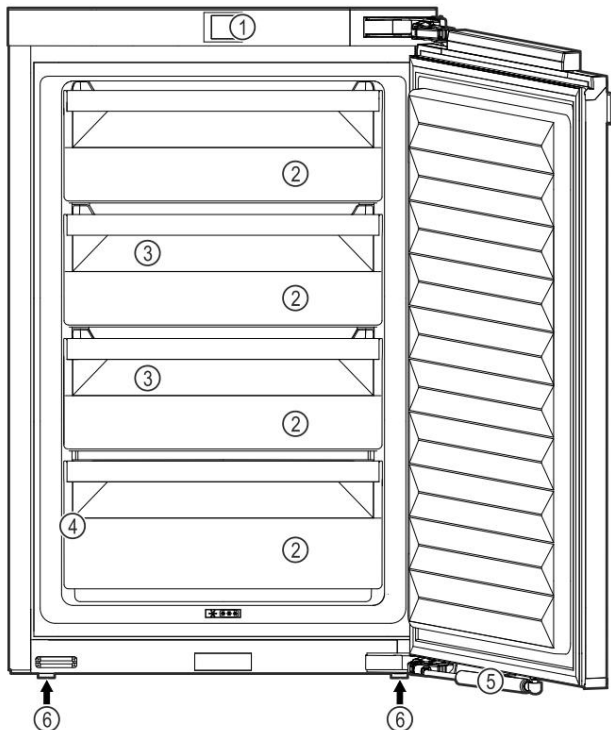
1.1 Phạm vi giao hàng

Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có hư hỏng do vận chuyển không. Liên hệ với đại lý hoặc bộ phận dịch vụ khách hàng của bạn trong trường hợp có khiếu nại. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

Thiết bị mới của bạn bao gồm các bộ phận sau:

- Thiết bị tích hợp
- Tính năng (tùy theo từng model)
- Vật liệu lắp đặt (tùy theo model)
- "Hướng dẫn bắt đầu nhanh"
- "Hướng dẫn cài đặt"
- Tờ rơi dịch vụ

1.2 Tổng quan về thiết bị và dụng cụ



Hình 1 Ví dụ minh họa

- | | |
|------------------------|----------------------|
| (1) Kiểm soát | (4) Loại tấm |
| (2) Ngăn kéo | (5) Cơ chế đóng mềm* |
| (3) Không gian đa dạng | (6) Điều chỉnh chân |

Lưu ý

Các kệ, ngăn kéo và giỏ đựng được sắp xếp để đạt hiệu quả năng lượng tối ưu khi giao thiết bị.

Ví dụ, việc thay đổi cách lắp các kệ vào ngăn tủ lạnh không ảnh hưởng gì đến mức tiêu thụ năng lượng.

1.3 Thiết bị thông minh

SmartDevice là giải pháp kết nối mạng cho tủ đông của bạn.

Nếu thiết bị của bạn được hỗ trợ SmartDevice hoặc tùy chọn, bạn có thể nhanh chóng và dễ dàng kết nối thiết bị của mình với WiFi. Với ứng dụng SmartDevice, bạn có thể vận hành thiết bị của mình từ thiết bị di động. Các chức năng bổ sung và tùy chọn cài đặt có sẵn trong ứng dụng SmartDevice SmartDevice.

Ứng dụng tùy chọn

thích với SmartDevice

an:

Thiết bị của bạn tùy chọn thích để sử dụng với SmartDeviceBox. Trước tiên, bạn phải mua và cài đặt Smart-DeviceBox. Để kết nối thiết bị của bạn với WiFi, bạn cần tải xuống ứng dụng SmartDevice.



Thông tin thêm về SmartDevice:

smartdevice.liebherr.com

Mua hàng SmartDeviceBox trong Liebherr-

home.liebherr.com/shop/de/deu/smartdevicebox.html

Cửa hàng Hausgeräte:

Đang tải xuống

Ứng dụng SmartDevice:



Sau khi cài đặt và cấu hình SmartDevice, bạn có thể kết nối thiết bị của mình với WiFi bằng ứng dụng SmartDevice và chức năng thiết bị WiFi (xem WiFi).

Ghi chú

Chức năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox.

1.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị

Mục đích sử dụng

Thiết bị chỉ phù hợp để làm mát các sản phẩm thực phẩm trong môi trường gia đình hoặc giống như hộ gia đình. Điều này bao gồm, ví dụ, sử dụng: - trong bếp của nhân viên, cơ sở lưu trú,

Hướng dẫn an toàn chung

- của khách ở nhà nghỉ, khách sạn, nhà nghỉ và các nơi lưu trú khác, - cho dịch vụ ăn uống và các dịch vụ tư vấn tự trong tự nhiên bán buôn.

Mọi hình thức sử dụng khác đều không được phép.

Sử dụng sai mục đích có thể

lưu trữ trước Các ứng dụng sau đây bị nghiêm cấm: - Lưu trữ và làm lạnh

thuốc, huyết tương, chế phẩm xét nghiệm hoặc các chất và sản phẩm tự nhiên dựa trên Chỉ thị về thiết bị y tế 2007/47/EC

- Sử dụng ở những khu vực có nguy cơ cháy

nổ. Sử dụng sai mục đích có thể làm hỏng hàng hóa lưu trữ hoặc làm hỏng hàng hóa.

Phân loại khí hậu Tùy thuộc vào

phân loại khí hậu, thiết bị được thiết kế để hoạt động ở nhiệt độ môi trường hạn chế. Phân loại khí hậu áp dụng cho thiết bị của bạn được in trên bảng đánh giá.

Lưu ý

ý: Duy trì nhiệt độ môi trường được chỉ định để đảm bảo thiết bị hoạt động bình thường.

Phân loại khí hậu	đối với nhiệt độ môi trường xung quanh
SN	10 °C đến 32 °C
N	16 °C đến 32 °C
ST	16 °C đến 38 °C
T	16 °C đến 43 °C
SN-ST	10 °C đến 38 °C
SN-T	10 °C đến 43 °C

1.5 Sự phù hợp

Mạch làm lạnh đã được kiểm tra rò rỉ. Khi lắp đặt, thiết bị tuân thủ các quy định an toàn hiện hành và các chỉ thị tự nhiên ứng.

Toàn văn Tuyên bố về sự phù hợp của EU có sẵn trên trang web sau: www.liebherr.com

1.6 Các chất SVHC theo quy định REACH

Bạn có thể kiểm tra xem thiết bị của bạn có chứa chất SVHC theo quy định của REACH hay không tại liên kết sau: home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nach-haltigkeit/umwelt/scip/scip.html

1.7 Cơ sở dữ liệu EPREL

Chi tiết về yêu cầu dán nhãn năng lượng và thiết kế sinh thái sẽ có trên cơ sở dữ liệu sản phẩm của Châu Âu (EPREL) từ ngày 1 tháng 3 năm 2021. Bạn có thể truy cập cơ sở dữ liệu sản phẩm tại liên kết sau: <https://eprel.ec.europa.eu/> Bạn sẽ được

được yêu cầu nhập ID mẫu. Bạn có thể tìm thấy ID mẫu trên bảng tên.

1.8 Phụ tùng thay thế

Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế cho các bộ phận chức năng và các bộ phận có sẵn của thiết bị là 15 năm.

2 Hướng dẫn an toàn chung Vui lòng cất giữ hướng

dẫn vận hành này ở nơi an toàn để bạn có thể tham khảo lại bất cứ lúc nào.

Nếu bạn chuyển giao thiết bị, vui lòng trao lại hướng dẫn sử dụng này cho người dùng tiếp theo.

Đọc kỹ hướng dẫn vận hành này trước khi sử dụng để đảm bảo sử dụng thiết bị an toàn và đúng cách. Luôn tuân thủ các hướng dẫn, hướng dẫn an toàn và thông báo cảnh báo đi kèm. Chúng rất quan trọng để đảm bảo bạn có thể vận hành và lắp đặt thiết bị an toàn và không gặp bất kỳ sự cố nào.

Nguy hiểm cho người sử

dụng: - Trẻ em và những người bị suy giảm khả năng thể chất, giác quan hoặc tinh thần hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức đều có thể sử dụng thiết bị này, miễn là họ được giám sát hoặc được hướng dẫn về cách sử dụng an toàn thiết bị này và về những mối nguy hiểm phát sinh.

Trẻ em không được chơi với thiết bị này.

Trẻ em không được thực hiện công việc vệ sinh và bảo trì khi không có sự giám sát của người lớn. Trẻ em từ 3 đến 8 tuổi được phép lắp và tháo thiết bị. Trẻ em dưới 3 tuổi phải tránh xa thiết bị trừ khi có sự giám sát liên tục của người lớn.

- Ổ cắm phải dễ tiếp cận để có thể nhanh chóng ngắt kết nối thiết bị khỏi nguồn điện trong trường hợp khẩn cấp. Ổ cắm không được đặt ở khu vực phía sau thiết bị.

- Khi ngắt thiết bị khỏi nguồn điện, hãy luôn cầm vào phích cắm. Không kéo dây cáp.

- Trong trường hợp xảy ra lỗi, hãy rút phích cắm điện hoặc ngắt cầu chì.

- Không làm hỏng dây nguồn. Không vận hành thiết bị bằng dây nguồn bị lỗi.

- Chỉ có bộ phận dịch vụ khách hàng hoặc nhân viên được đào tạo đặc biệt mới được sửa chữa hoặc thực hiện các thao tác khác trên thiết bị.

- Chỉ lắp đặt, kết nối và tháo bỏ thiết bị theo đúng hướng dẫn.

- Chỉ sử dụng thiết bị khi đã lắp đặt xong.

Nguy cơ cháy

nhỏ: - Chất làm mát được sử dụng (thông tin trên biển số xe) thân thiện với môi trường như ng cũng dễ cháy.

Bất kỳ chất làm mát rò rỉ nào cũng có

thể bắt lửa. • Không làm hỏng mạch làm lạnh ống.

• Không xử lý nguồn gây cháy bên trong thiết bị. • Không sử dụng các

thiết bị điện bên trong thiết bị (ví dụ: máy làm sạch bằng hơi nước, máy sấy, máy làm kem, v.v.). • Nếu chất làm lạnh bị rò rỉ: loại bỏ mọi ngọn

lửa trần hoặc nguồn gây cháy khỏi khu vực gần điểm rò rỉ.

Thông gió phòng đúng cách. Thông báo cho bộ phận dịch vụ khách hàng.

- Không cất giữ chất nổ hoặc bình xịt sử dụng chất đẩy dễ cháy như butan, propan, pentan, v.v. trong thiết bị. Để nhận dạng các bình xịt này, hãy tìm danh sách thành phần được in trên bình hoặc biểu tượng ngọn lửa. Khí có thể thoát ra có thể bắt lửa do các thành phần điện.

- Để nén, đèn và các vật dụng có ngọn lửa khác tránh xa thiết bị để tránh gây cháy thiết bị.

- Hãy đảm bảo cất giữ đồ uống có cồn hoặc bao bì khác có chứa cồn trong các hộp đựng đậy kín. Bất kỳ loại cồn nào rò rỉ ra ngoài đều có thể bị bắt lửa bởi các thành phần điện.

Nguy cơ lật đổ và rơi: - Không sử

dụng bệ, ngăn kéo, cửa, v.v. làm bậc thang hoặc để hỗ trợ.

Điều này đặc biệt áp dụng cho trẻ em.

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm: -

Không sử dụng thực phẩm đã bị ôi thiu.

Lưu trữ quá lâu.

Nguy cơ tê cóng, tê liệt và đau đớn: - Tránh tiếp

xúc da trong thời gian dài với bề mặt lạnh hoặc hàng hóa đông lạnh/làm lạnh hoặc thực hiện các biện pháp bảo vệ, ví dụ như đeo găng tay.

Nguy cơ gây thương tích và hư hỏng:

- Hơi nước nóng có thể gây thương tích. Không sử dụng thiết bị làm nóng bằng điện hoặc thiết bị vệ sinh bằng hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt rửa đông để rửa đông.

- Không sử dụng vật sắc nhọn để tháo đá.

Nguy cơ bị đè bẹp: -

Không giữ bản lề khi mở và đóng cửa. Ngón tay có thể bị kẹt.

Các ký hiệu trên thiết bị:



Biểu tượng này có thể nằm trên máy nén. Nó liên quan đến dầu trong máy nén và đề cập đến rủi ro: Nuốt hoặc hít phải có thể gây tử vong. Lời khuyên này chỉ liên quan đến việc tái chế. Không có nguy hiểm trong hoạt động bình thường.



Biểu tượng này nằm trên máy nén và chỉ ra mối nguy hiểm của vật liệu dễ cháy. Không được tháo nhãn dán.



Nhãn dán này hoặc nhãn dán tương tự có thể nằm ở mặt sau của thiết bị. Nhãn dán này cho biết có các tấm cách nhiệt chân không (VIP) hoặc tấm perlite trong cửa và/hoặc vỏ. Lời khuyên này chỉ liên quan đến việc tái chế. Không tháo nhãn dán.

Xin lưu ý các thông điệp cảnh báo và lời khuyên cụ thể khác trong các chương khác:

	SỰ NGUY HIỂM	báo hiệu ngay lập tức một tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không tránh được.
	CẢNH BÁO biểu thị	tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không tránh được.
	THẬN TRỌNG	chỉ ra tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc trung bình nếu không tránh được.
	ĐỀ Ý	chỉ ra tình huống nguy hiểm có thể gây thiệt hại cho tài sản nếu không tránh được.
	Ghi chú	chỉ ra những hướng dẫn và mẹo hữu ích.

3 Chức năng của màn hình cảm ứng

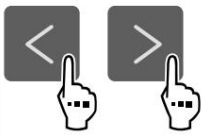



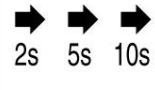
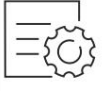
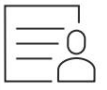
Bạn vận hành thiết bị của mình bằng màn hình cảm ứng. Bạn chọn các chức năng của thiết bị trong màn hình cảm ứng (sau đây gọi là màn hình) bằng cách chạm vào chúng. Nếu bạn không thực hiện bất kỳ hành động nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ nhảy trở lại menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp đến màn hình trạng thái.

3.1 Điều hướng và giải thích ký hiệu

Trong hình minh họa, các ký hiệu khác nhau được sử dụng để điều hướng màn hình. Bảng sau đây mô tả các ký hiệu này.

Biểu tượng	Sự miêu tả
	Nhấn nút Tiếp theo mũi tên: Điều hướng đến tùy chọn tiếp theo trong menu.
	Nhấn nút Quay lại mũi tên: Nhảy trở lại một tùy chọn trong thực đơn.

Chức năng của màn hình cảm ứng

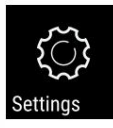
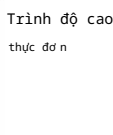
Biểu tượng	Sự miêu tả
	Nhấn mũi tên điều hướng nhiều lần liên tiếp: Điều hướng trong menu đến chức năng mong muốn.
	Nhấn biểu tượng Xác nhận: Kích hoạt/hủy kích hoạt chức năng. Mở menu phụ.
	Nhấn biểu tượng Xác nhận cùng với biểu tượng quay lại: Quay lại một cấp menu.
	Mũi tên có đồng hồ: Phải mất hơn 10 giây thì thông báo sau mới xuất hiện trên màn hình.
	Mũi tên chỉ thời gian: Phải mất khoảng thời gian quy định cho đến khi thông báo sau xuất hiện trên màn hình.
	Biểu tượng "Mở menu Cài đặt": Điều hướng đến menu Cài đặt và mở menu cài đặt. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong Cài đặt thực đơn. (xem 3.2.1 Mở menu Cài đặt)
	Biểu tượng "Mở menu Nâng cao": Điều hướng đến menu Nâng cao và mở menu nâng cao. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong Nâng cao thực đơn. (xem 3.2.2 Mở menu Nâng cao)
hoạt động vì Không có 10 giây	Nếu bạn không thực hiện bất kỳ hành động nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ nhảy trở lại menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp đến màn hình trạng thái.
Mở cửa và	Nếu bạn mở cửa rồi đóng lại ngay lập tức hoặc đóng lại, màn hình sẽ nhảy trực tiếp trở lại màn hình trạng thái.

Lưu ý: Hình ảnh minh họa được hiển thị trong phiên bản tiếng Anh.

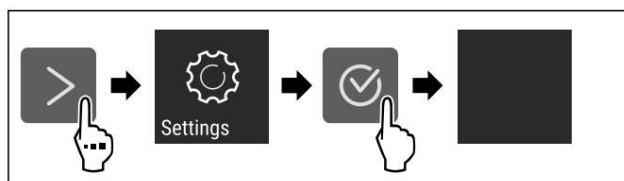
3.2 Thực đơn

Các chức năng của thiết bị có thể được tìm thấy trong nhiều menu khác nhau.

Thực đơn	Sự miêu tả
Menu chính Khi bạn bật thiết bị, bạn sẽ tự động vào menu chính.	Từ đây, bạn có thể điều hướng đến các chức năng quan trọng nhất của thiết bị, đến menu Cài đặt và menu Nâng cao.

Thực đơn	Mô tả Menu
 Cài đặt thực đơn	Cài đặt chứa các chức năng thiết bị bổ sung để thiết lập thiết bị của bạn. (xem 3.2.1 Mở menu Cài đặt)
 Trình độ cao thực đơn	Menu nâng cao chứa các chức năng thiết bị đặc biệt để thiết lập thiết bị của bạn. Quyền truy cập vào menu Nâng cao được bảo vệ bằng mã số 1 5 1. (xem 3.2.2 Mở menu Nâng cao)

3.2.1 Mở menu Cài đặt

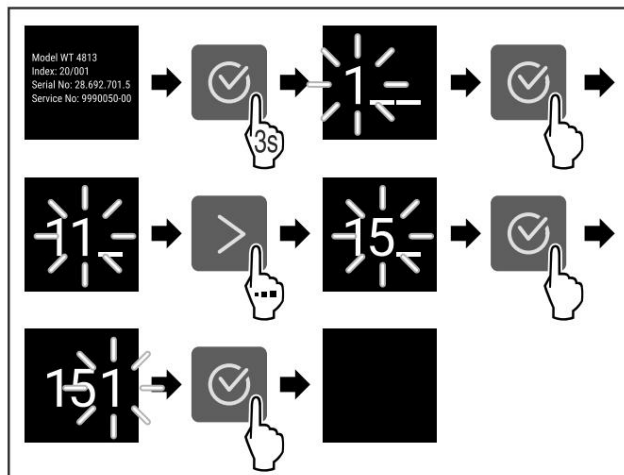


Hình 2 Ví dụ minh họa u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Menu Cài đặt đang mở. u Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn.

3.2.2 Mở menu Nâng cao



Hình 3



Hình 4 Ví dụ minh họa, truy cập bằng mã số 151 u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Menu mở rộng sẽ mở ra. u Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn.

3.3 Chế độ ngủ

Nếu bạn không chạm vào màn hình trong 1 phút, màn hình sẽ chuyển sang chế độ ngủ. Ở chế độ ngủ, độ sáng màn hình sẽ mờ đi.

3.3.1 Kết thúc chế độ ngủ u Nhấn bất

kỳ phím điều hướng nào. w Chế độ ngủ đã kết thúc.

4 Đưa vào hoạt động

4.1 Bật thiết bị (lần đầu sử dụng)

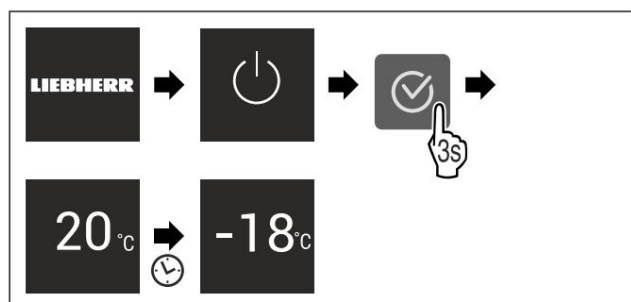
Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: q Thiết bị được lắp đặt và kết nối đúng cách theo hướng dẫn lắp đặt. q Tất cả các dải keo dính, màng keo dính và màng bảo vệ cũng như khóa vận chuyển đều được tháo ra khỏi bên trong và trên thiết bị.

anne.

q Tất cả các tờ rơi tiếp thị đều được lấy ra khỏi ngăn kéo.

q Bạn đã quen thuộc với chức năng của màn hình cảm ứng. (xem mục 3 Chức năng của màn hình cảm ứng)

Bật thiết bị bằng Màn hình cảm ứng: u Nếu màn hình đang ở chế độ ngủ: Chạm nhẹ vào màn hình. u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.



Hình 5 Ví dụ minh họa

w Màn hình hiển thị trạng thái

xuất hiện. w Thiết bị nguội đến nhiệt độ được cài đặt tại nhà máy. w Thiết bị bắt đầu ở chế độ demo (màn hình hiển thị trạng thái với DEMO xuất hiện):

Nếu thiết bị bắt đầu ở chế độ demo, bạn có thể hủy kích hoạt chế độ demo trong vòng 5 phút tiếp theo. (xem Chế độ demo)

Thông tin thêm: - Khởi

động SmartDevice lần đầu tiên. (xem 1.3 Smart- Device) và (xem WiFi)

Lưu ý

Nhà sản xuất khuyến cáo: u Bảo quản thực

phẩm đông lạnh ở nhiệt độ -18 °C hoặc lạnh hơn n. u Tuân

thủ các lưu ý về việc bảo quản thực phẩm. (xem 5.1 Thông tin về bảo quản)

Lưu ý

Bạn có thể mua phụ kiện từ cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

5 Lưu trữ

5.1 Thông tin về lưu trữ



CẢNH BÁO

Nguy cơ cháy nổ

u Không sử dụng bất kỳ thiết bị điện nào trong khu vực thực phẩm của thiết bị trữ khi có khuyến cáo của nhà sản xuất.

Lưu ý

ý: Mức tiêu thụ năng lượng tăng lên và công suất làm mát giảm xuống nếu thông gió không đủ. u Luôn giữ cho các khe hở không khí thông thoáng.

Tuân thủ các thông số kỹ thuật sau đây khi bảo quản: - Đông

gói thực phẩm đúng cách.

- Đóng gói thịt hoặc cá sống trong hộp đựng sạch, kín.

Điều này sẽ ngăn không cho thịt hoặc cá chạm vào hoặc nhỏ giọt vào thức ăn khác.

- Chừa khoảng cách giữa các hàng hóa để đảm bảo không khí lưu thông tốt. sự kiện.

- Bảo quản thực phẩm theo hướng dẫn trên bao bì. lão hóa.

- Luôn tuân thủ ngày hết hạn sử dụng được ghi trên bao bì bao bì.

Lưu ý

ý: Không tuân thủ các hướng dẫn này có thể khiến thực phẩm bị hỏng.

5.2 Ngăn đông

Ở đây, khí hậu bảo quản khô và lạnh giá được tạo ra ở nhiệt độ -18 °C. Khí hậu bảo quản lạnh giá thích hợp để bảo quản thực phẩm đông lạnh trong nhiều tháng, để làm đá viên hoặc đông lạnh thực phẩm tư i.

5.2.1 Đông lạnh thực phẩm

Lưu ý đông lạnh Lưu ý

thực phẩm tư i sống tối đa mà bạn có thể đông lạnh trong vòng 24 giờ được ghi rõ trên nhãn loại thực phẩm (xem 10.5 Nhân mẫu) trong mục "Công suất đông lạnh ... kg/24h".

Để đảm bảo thực phẩm đông lạnh nhanh chóng, hãy tuân thủ số lưu ý sau cho mỗi gói: - Trái cây và rau quả tối đa 1

kg - Thịt tối đa 2,5 kg

Đông lạnh thực phẩm bằng SuperFrost Tùy

thuộc vào số lưu ý thực phẩm cần đông lạnh, bạn có thể kích hoạt SuperFrost trừ i khi đông lạnh để đạt được nhiệt độ đông lạnh thấp hơn n. (xem SuperFrost)

Thiết bị không có chức năng

NoFrost:* u Kích hoạt SuperFrost nếu lưu ý thực phẩm bạn phải đông lạnh hơn n khoảng 1 kg.* Thiết bị có

chức năng NoFrost:* u Kích hoạt

SuperFrost nếu lưu ý thực phẩm bạn phải

đông lạnh nhiều hơn n khoảng 2 kg.*

Thời điểm kích hoạt SuperFrost phụ thuộc vào lưu ý thực phẩm bạn cần đông lạnh:

Số lưu ý đông lạnh	Thời điểm bạn nên kích hoạt Siêu băng giá
Một lưu ý nhỏ thực phẩm để đông lạnh	Kích hoạt SuperFrost khoảng 6 giờ trừ i khi đông lạnh. Bạn có thể cho thực phẩm vào tủ đông ngay khi thiết bị tự động tắt chức năng SuperFrost.
Lưu ý thực phẩm tối đa cần đông lạnh	Kích hoạt SuperFrost khoảng 24 giờ trừ i khi đông lạnh. Bạn có thể cho thực phẩm vào tủ đông ngay khi thiết bị tự động tắt chức năng SuperFrost.

Sắp xếp thức ăn của bạn đúng cách



THẬN TRỌNG

Có nguy cơ bị thương do kính vỡ!

Các chai, lon đựng đồ uống có thể bị vỡ trong quá trình đông lạnh.

Điều này đặc biệt áp dụng cho đồ uống có ga. u Chỉ đông lạnh

chai và lon có đồ uống nếu bạn đã kích hoạt chức năng BottleTimer trong SmartDevice

ứng dụng.

Chiều cao thiết bị < 1220 mm	
Số lượng đông lạnh Sắp xếp thực phẩm của bạn đúng cách	
Một lượng nhỏ thực phẩm để đông lạnh	Phân phối các gói này vào tất cả các ngăn kéo. Nếu có thể, hãy đặt đồ tạp hóa ở phía sau ngăn kéo gần bức tường phía sau.
Lượng thực phẩm tối đa cần đông lạnh	Phân phối các gói này vào tất cả các ngăn kéo. Nếu có thể, hãy đặt đồ tạp hóa ở phía sau ngăn kéo gần bức tường phía sau.

Chiều cao thiết bị ≥ 1220 mm	
Số lượng đông lạnh	Sắp xếp thức ăn của bạn đúng cách
Một lượng nhỏ thực phẩm để đông lạnh	Phân phối thực phẩm đóng gói vào tất cả các ngăn kéo, nhưng không để bất kỳ thực phẩm nào ở ngăn kéo trên cùng.
Lượng thực phẩm tối đa cần đông lạnh	Phân phối hàng tạp hóa đóng gói khắp các ngăn kéo. Nếu có thể, hãy đặt đồ tạp hóa ở phía sau ngăn kéo gần bức tường phía sau.

5.2.2 Rã đông thực phẩm



CẢNH BÁO Nguy

cơ ngộ độc thực phẩm! u

Không đông lại thực phẩm đã rã đông. u

Sử dụng thực phẩm đã rã đông càng sớm càng tốt.

Bạn có thể rã đông thực phẩm theo nhiều cách: -

Trong tủ lạnh -

Trong lò vi sóng - Trong

lò nướng/lò nướng có quạt - Ở nhiệt độ

phòng u Chỉ lấy ra lượng thực

phẩm cần thiết.

5.2.3 Khay đông lạnh*

Bạn có thể đông lạnh các loại quả mọng, thảo mộc, rau và các loại thực phẩm đông lạnh nhỏ khác trong khay đông lạnh mà không cần đông tất cả lại với nhau. Thực phẩm đông lạnh ít có khả năng bị đập nát và việc chia phần sau đó dễ dàng hơn. u Phân phối thực phẩm trên khay đông lạnh mà không cần đóng gói và cách xa nhau.

5.3 Thời gian lưu trữ

Tham khảo thời gian lưu trữ được chỉ định để biết hướng dẫn.

Đối với thực phẩm có thời hạn sử dụng tối thiểu, ngày ghi trên bao bì vẫn được áp dụng.

Thời gian bảo quản khuyến nghị cho các loại thực phẩm khác nhau		
Kem	ở -18 °C	2 đến 6 tháng
Xúc xích, giăm bông	ở -18 °C	2 đến 3 tháng
Bánh mì, đồ nướng ở nhiệt độ	-18 °C	2 đến 6 tháng
Trò chơi, thịt lợn	ở -18 °C	6 đến 9 tháng
Cá béo	ở -18 °C	2 đến 6 tháng
Cá nạc	ở -18 °C	6 đến 8 tháng
Phô mai	ở -18 °C	2 đến 6 tháng

Thời gian bảo quản khuyến nghị cho các loại thực phẩm khác nhau		
Gia cầm, thịt bò	ở -18 °C	6 đến 12 tháng
Rau, trái cây	ở -18 °C	6 đến 12 tháng

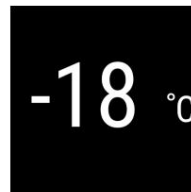
6 Tiết kiệm năng lượng

- Chú ý thông gió tốt. Không che lỗ thông gió hoặc lưu ý thông gió.
- Luôn giữ cho khe gió của quạt thông thoáng.*
- Không lắp đặt thiết bị ở nơi có ánh nắng trực tiếp chiếu vào hoặc gần bộ tản nhiệt hoặc các nguồn nhiệt tự nhiên.
- Nếu thiết bị được lắp đặt trực tiếp bên cạnh lò nướng, mức tiêu thụ năng lượng có thể tăng nhẹ. Điều này phụ thuộc vào tuổi thọ và cấu trúc sử dụng của lò nướng.
lò vi sóng.
- Mức tiêu thụ năng lượng phụ thuộc vào điều kiện lắp đặt, ví dụ như nhiệt độ môi trường (xem 1.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị). Nhiệt độ môi trường ấm hơn có thể làm tăng mức tiêu thụ năng lượng.
- Mở thiết bị trong thời gian ngắn nhất có thể.
- Nhiệt độ cài đặt càng thấp thì mức tiêu thụ năng lượng càng cao.
- Đóng gói và đậy kín tất cả thực phẩm. Điều này ngăn ngừa sự hình thành sương giá.
- Cho thức ăn ấm vào: để nguội đến nhiệt độ phòng.
thiên nhiên đầu tiên.
- Nếu có lớp sương giá dày bên trong thiết bị: hãy rã đông thiết bị.*

7 Điều khiển

7.1 Điều khiển và hiển thị

7.1.1 Hiển thị trạng thái



Hình 6


(1) Hiển thị nhiệt độ

Màn hình Trạng thái hiển thị nhiệt độ đã cài đặt và là màn hình chính. Từ đó, bạn có thể điều hướng đến các tùy chọn và cài đặt.

7.1.2 Hiển thị ký hiệu

Biểu tượng hiển thị cung cấp thông tin về trạng thái thiết bị hiện tại:

Biểu tượng	Trạng thái thiết bị
	Chế độ chờ Thiết bị hoặc vùng nhiệt độ đã tắt.
	Số nhấp nháy Thiết bị đang hoạt động. Nhiệt độ nhấp nháy cho đến khi đạt đến giá trị cài đặt.
	Biểu tượng nhấp nháy Thiết bị đang hoạt động. Đã thiết lập xong.

Biểu tượng	Thanh trạng thái
	Thiết bị tăng dần. Chức năng đã được kích hoạt.

7.2 Chức năng của thiết bị

7.2.1 Ghi chú về chức năng của thiết bị

Các chức năng của thiết bị được thiết lập tại nhà máy để thiết bị của bạn hoạt động đầy đủ chức năng.

Trước khi bạn thay đổi, kích hoạt hoặc hủy kích hoạt các chức năng của thiết bị, hãy đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp

ứng: q Bạn đã đọc và hiểu mô tả về cách thức hoạt động của màn hình. (xem 3 Chức năng của màn hình cảm ứng)

q Bạn đã làm quen với các bộ phận vận hành và hiển thị của thiết bị.

Tắt và bật thiết bị

Sử dụng chức năng này để tắt và bật toàn bộ thiết bị.

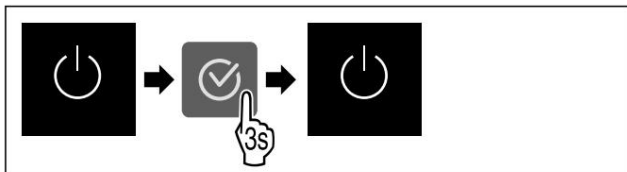
Tắt thiết bị Khi bạn tắt thiết

bị, các cài đặt đã lưu u trước đó sẽ được lưu u lại.

Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: q Hư ớng dẫn xử lý (xem 11 Tắt máy) được thực hiện ngoài.



Hình 7



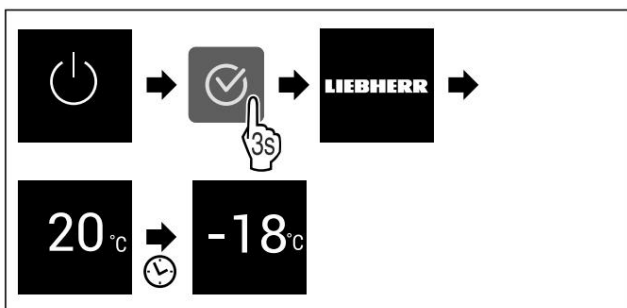
Hình 8

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Thiết bị đã tắt. w Biểu tượng chế độ chờ xuất hiện trên màn hình. w Màn hình chuyển sang màu đen.

Bật thiết bị

Nếu màn hình đang ở chế độ ngủ:

u Nhấn bất kỳ phím điều ớng nào.



Hình 9. Ví dụ minh họa u

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

Khi thiết bị bắt đầu ở chế độ demo: u Tắt chế độ demo. (xem Tắt chế độ demo) w Thiết bị được bật.

w Các cài đặt trước đó được khôi phục. w Thiết bị sẽ nguội đến nhiệt độ mục tiêu đã đặt.



Wi-Fi

Sử dụng chức năng này để kết nối thiết bị của bạn với WiFi. Sau đó, bạn có thể vận hành thiết bị thông qua ứng dụng SmartDevice trên thiết bị di động. Bạn cũng có thể sử dụng chức năng này để ngắt kết nối hoặc thiết lập lại kết nối WiFi.

Để kết nối thiết bị của bạn với WiFi, bạn cần có SmartDevice- ceBox.

Thông tin thêm về SmartDevice: (xem 1.3 SmartDevice)

Lưu u

ý Chức năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox.

Thiết lập kết nối WiFi lần đầu tiên Hãy đảm bảo rằng các

yêu cầu sau được đáp ứng: q Bạn đã mua và lắp SmartDeviceBox.

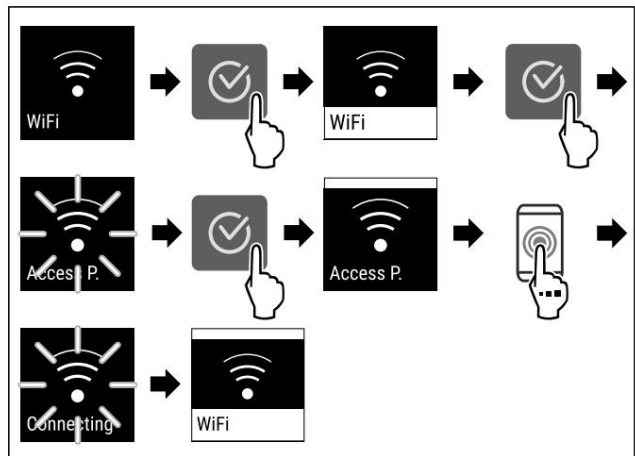
(xem 1.3 Thiết bị thông minh)

q Bạn đã cài đặt ứng dụng SmartDevice (xem apps.home.liebherr.com).

q Đã hoàn tất việc đăng ký trên ứng dụng SmartDevice.



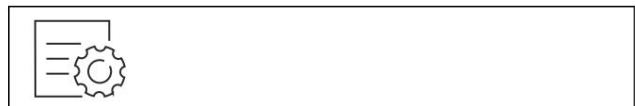
Hình 10



Hình 11

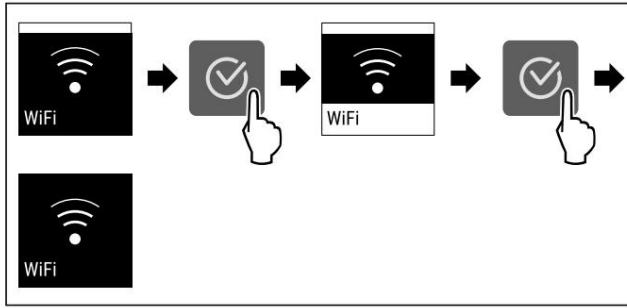
u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Kết nối được thiết lập.

Ngắt kết nối khỏi WiFi



Hình 12

Kiểm soát



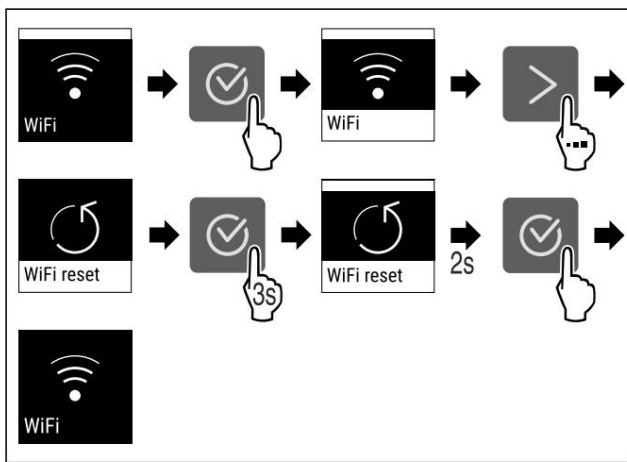
Hình 13

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Không có kết nối.

Đặt lại kết nối WiFi



Hình 14



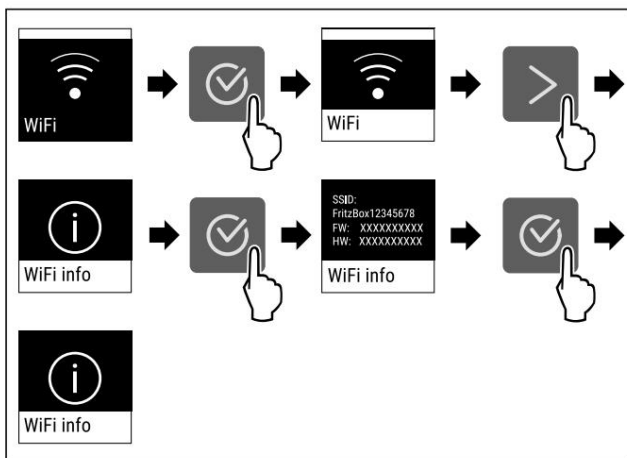
Hình 15

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Kết nối WiFi và các cài đặt WiFi khác được khôi phục về cài đặt gốc.

Hiển thị thông tin về kết nối WiFi



Hình 16



Hình 17

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

-18^{°C} Nhiệt độ Sử dụng

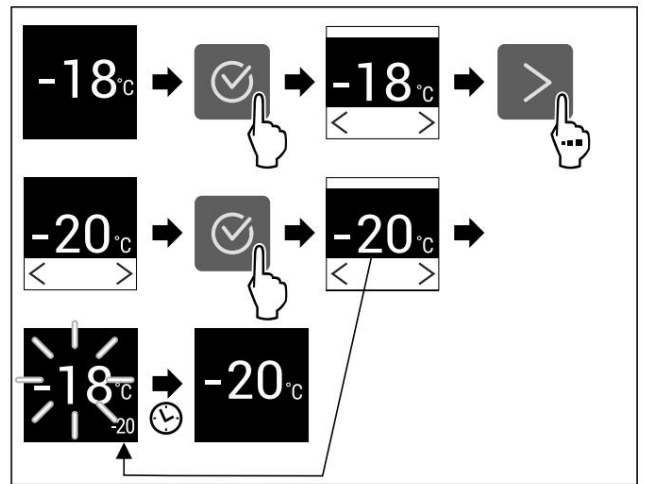
chức năng này để cài đặt nhiệt độ.

Nhiệt độ phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Tần suất mở cửa
- Thời gian mở cửa
- Nhiệt độ phòng nơi lắp đặt
- Loại, nhiệt độ và số lượng thực phẩm

Ngăn đông Nhiệt độ cài đặt tại nhà máy	Cài đặt được đề xuất
-18 ^{°C}	-18 ^{°C}

Cài đặt nhiệt độ



Hình 18 Ví dụ minh họa

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Nhiệt độ đã được cài đặt.

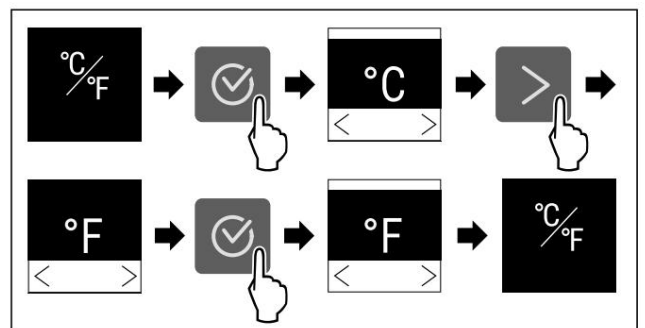
°C/°F Đơn vị nhiệt độ

Sử dụng chức năng này để thiết lập đơn vị nhiệt độ. Bạn có thể thiết lập độ C hoặc độ F làm đơn vị nhiệt độ.

Thiết lập đơn vị nhiệt độ



Hình 19



Hình 20 Ví dụ minh họa: Chuyển từ độ C sang độ F. w Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Đơn vị nhiệt độ đã được thiết lập.



Siêu băng giá

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt SuperFrost. Nếu SuperFrost được kích hoạt, thiết bị sẽ tăng khả năng đóng băng. Nó cho phép bạn đạt được nhiệt độ đóng băng thấp hơn.

Ứng dụng: -

Làm đông thực phẩm tươi sống nhanh chóng đến tận lõi.

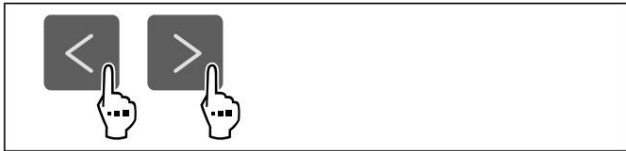
Điều này đảm bảo duy trì được chất dinh dưỡng, hình thức và hương vị của thực phẩm đông lạnh.

- Tăng lưu lượng lạnh dự trữ trong thực phẩm đông lạnh trước khi rã đông thiết bị.

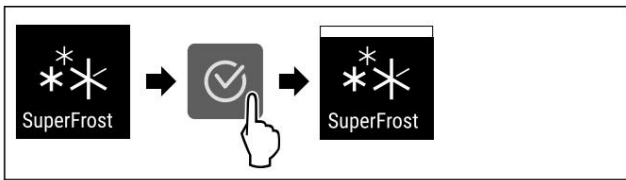
Nếu chức năng này đang hoạt động, thiết bị sẽ hoạt động ở công suất cao hơn. Do đó, tiếng ồn khi hoạt động của thiết bị có thể lớn hơn tạm thời và mức tiêu thụ năng lượng sẽ tăng lên.

Kích hoạt SuperFrost Đám

bào đáp ứng các yêu cầu sau: q Lưu ý đến số lượng và thời gian đông lạnh để kích hoạt SuperFrost. (xem mục Đông lạnh thực phẩm bằng SuperFrost)



Hình 21

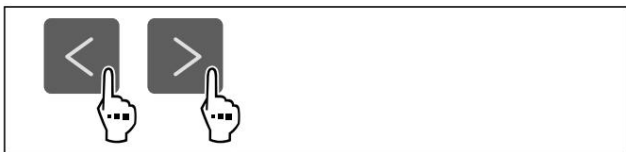


Hình 22

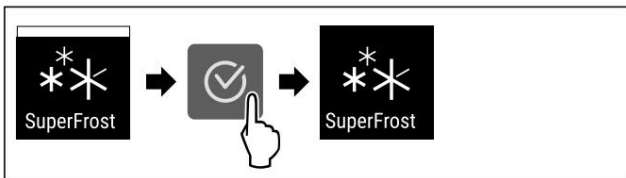
u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chu trình rã đông đã bắt đầu. Biểu tượng nhấp nháy cho đến khi rã đông chu kỳ được tự động hoàn tất.

Tắt SuperFrost SuperFrost sẽ

tự động tắt sau 56 đến 72 giờ tùy thuộc vào lượng thực phẩm được đưa vào. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt SuperFrost theo cách thủ công bất kỳ lúc nào:



Hình 23



Hình 24

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w SuperFrost bị vô hiệu hóa. w Thiết bị tiếp tục chạy ở chế độ bình thường. w Thiết bị nguội đến nhiệt độ đã cài đặt trước đó.



Bắt đầu chu trình rã đông*

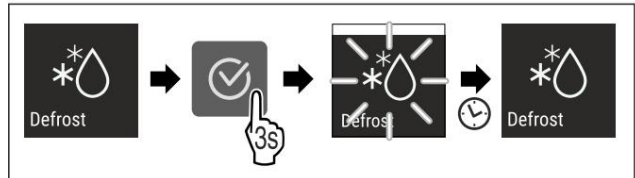
Sử dụng chức năng này để bắt đầu chu trình rã đông tự động theo cách thủ công nếu chu trình này không tự động bắt đầu khi có lỗi.

Chức năng này áp dụng cho các thiết bị NoFrost.*

Bắt đầu chu trình rã đông



Hình 25



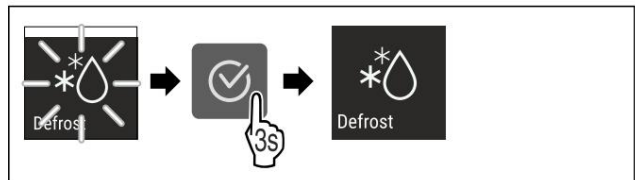
Hình 26

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chu trình rã đông đã bắt đầu: Biểu tượng nhấp nháy cho đến khi rã đông chu kỳ được tự động hoàn tất.

w Khi chu trình rã đông kết thúc: Thiết bị tiếp tục chạy ở chế độ bình thường.

Hủy chu kỳ rã đông Chu kỳ rã

đông sẽ tự động dừng lại. Tuy nhiên, bạn cũng có thể hủy chu kỳ rã đông bất kỳ lúc nào trong quá trình rã đông:



Hình 27

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chu trình rã đông bị hủy. w Thiết bị tiếp tục chạy ở chế độ bình thường.



Chế độ tiệc tùng

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt Chế độ Party. PartyMode kích hoạt nhiều chức năng hữu ích cho một bữa tiệc.

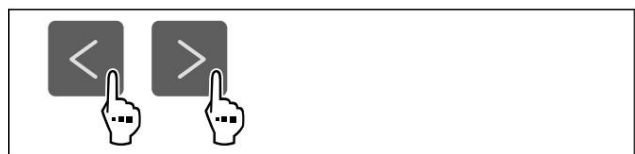
PartyMode kích hoạt các chức năng sau: - SuperFrost

(xem SuperFrost)

Bạn có thể điều chỉnh tất cả các chức năng được liệt kê một cách riêng lẻ và linh hoạt. Khi bạn hủy kích hoạt PartyMode, mọi thay đổi sẽ bị hủy bỏ.

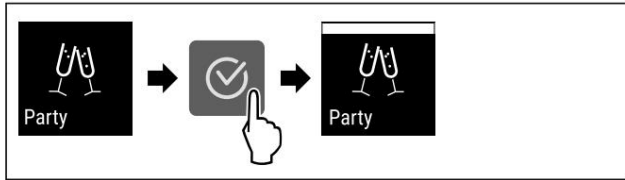
Nếu chức năng này đang hoạt động, thiết bị sẽ hoạt động ở công suất cao hơn. Do đó, tiếng ồn khi hoạt động của thiết bị có thể lớn hơn tạm thời và mức tiêu thụ năng lượng sẽ tăng lên.

Kích hoạt PartyMode



Hình 28

Kiểm soát



Hình 29

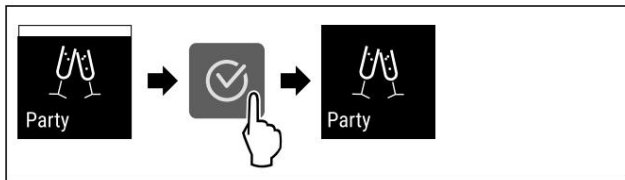
Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Trong PartyMode và các chức năng liên quan được kích hoạt. Nhiệt độ hiện tại nhấp nháy cho đến khi đạt đến nhiệt độ mục tiêu.

Tắt PartyMode PartyMode sẽ

tự động tắt sau 24 giờ. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt PartyMode theo cách thủ công bất kỳ lúc nào:



Hình 30



Hình 31

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Trong PartyMode bị vô hiệu hóa. Thiết bị nguội đến nhiệt độ đã cài đặt trước đó: Nhiệt độ hiện tại nhấp nháy cho đến khi đạt đến nhiệt độ mục tiêu.



Chế độ ngày Sa-bát

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt SabbathMode. Nếu bạn kích hoạt chức năng này, một số chức năng điện tử sẽ bị tắt. Do đó, thiết bị của bạn đáp ứng các yêu cầu tôn giáo cho các ngày lễ của người Do Thái như Sabbath và tuân thủ chứng nhận STAR-K Kosher.

Trạng thái thiết bị khi SabbathMode đang hoạt động
Màn hình trạng thái luôn hiển thị SabbathMode.
Tất cả các chức năng trên màn hình đều bị khóa ngoại trừ chức năng Deactivate SabbathMode.
Các chức năng đang hoạt động vẫn đang hoạt động.
Màn hình vẫn sáng khi bạn đóng cửa.
Lời nhắc không được thực hiện. Khoảng thời gian đã đặt dừng lại.
Không hiển thị lời nhắc và cảnh báo.
Không có báo động cửa.
Không có báo động nhiệt độ.
Chu trình rã đông chỉ hoạt động trong thời gian đã chỉ định mà không tính đến mức tiêu thụ điện của thiết bị.
Sau khi mất điện, thiết bị sẽ trở về chế độ SabbathMode.

Trạng thái thiết bị

Lưu

ý Thiết bị này có chứng nhận từ "Viện Khoa học và Halacha". (www.machonhalacha.co.il)

Bạn có thể tìm danh sách các thiết bị được chứng nhận STAR-K tại www.star-k.org/appliances.

Kích hoạt SabbathMode



CẢNH BÁO

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm từ thực phẩm hư hỏng!

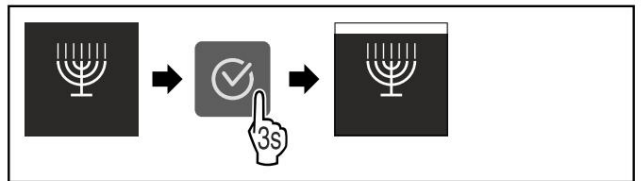
Nếu bạn đã kích hoạt SabbathMode và xảy ra mất điện, sẽ không có thông báo nào xuất hiện trên màn hình trạng thái về sự cố mất điện. Sau khi có điện trở lại, thiết bị sẽ tiếp tục hoạt động ở SabbathMode. Sự cố mất điện có thể khiến thực phẩm bị hỏng và việc tiêu thụ thực phẩm này có thể dẫn đến ngộ độc thực phẩm.

Sau khi mất điện: Không

sử dụng thực phẩm đã đông lạnh và đã rã đông ngoài.



Hình 32

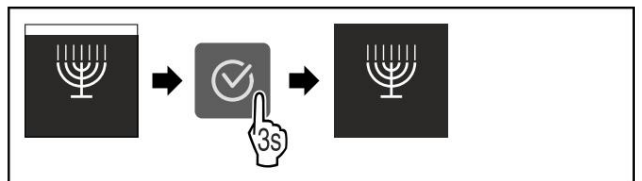


Hình 33

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Trong SabbathMode được kích hoạt. Màn hình trạng thái hiển thị SabbathMode vĩnh viễn.

Tắt SabbathMode SabbathMode sẽ

tự động tắt sau 80 giờ. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt SabbathMode theo cách thủ công bất kỳ lúc nào:



Hình 34

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Trong Chế độ Sabbath đã bị vô hiệu hóa.



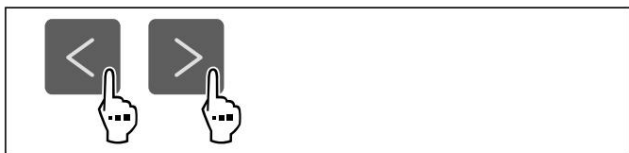
Tiết kiệm điện tử

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt chế độ Tiết kiệm năng lượng. Nếu chế độ tiết kiệm năng lượng được kích hoạt, mức tiêu thụ năng lượng sẽ giảm và nhiệt độ trong thiết bị sẽ tăng. Thực phẩm vẫn tươi, nhưng thời hạn sử dụng sẽ ngắn lại.

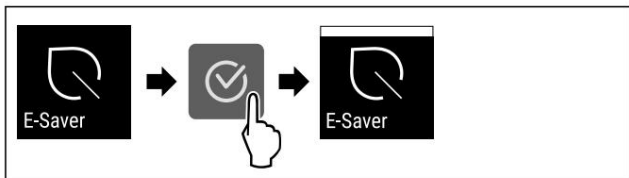
Nhiệt độ vùng	Khuyến khích cài đặt (xem Cài đặt nhiệt độ)	Nhiệt độ với E-Saver hoạt động
-18°C	-18 °C	-16 °C

Nhiệt độ

Kích hoạt E-Saver



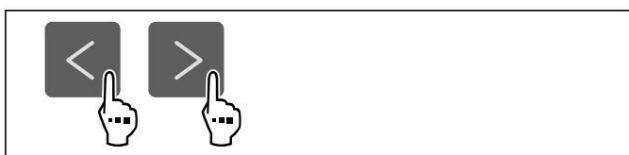
Hình 35



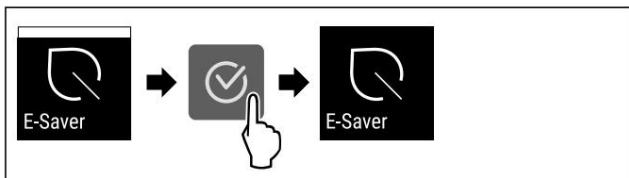
Hình 36

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chế độ tiết kiệm năng lượng được kích hoạt.

Hủy kích hoạt E-Saver



Hình 37



Hình 38

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chế độ tiết kiệm năng lượng đã bị vô hiệu hóa.



Độ sáng màn hình

Sử dụng chức năng này để cài đặt độ sáng màn hình theo từng giai đoạn.

Bạn có thể chọn các mức độ sáng sau:

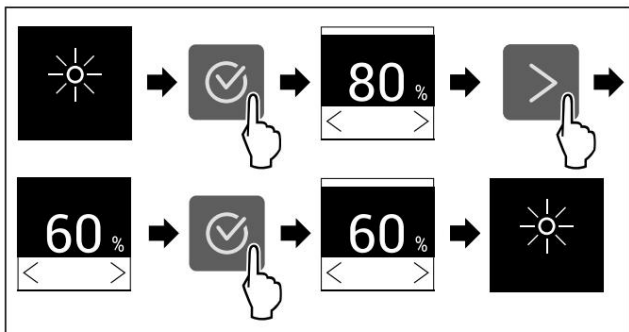
- 40%
- 60%
- 80%

100% (cài đặt trước)

Thiết lập độ sáng



Hình 39



Hình 40 Ví dụ minh họa: Chuyển từ 80% sang 60%.

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Độ sáng đã được thiết lập.



Báo động cửa

Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt báo động cửa.

Chuông báo cửa sẽ kêu nếu cửa mở quá lâu. Chuông báo cửa sẽ được kích hoạt khi giao hàng. Bạn có thể cài đặt thời gian cửa có thể mở trước khi chuông báo cửa kêu.

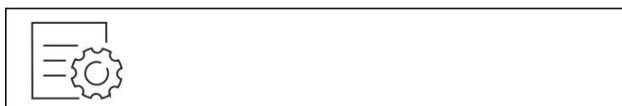
Có thể thiết lập các giá trị sau: - 1 phút

- 2 phút - 3

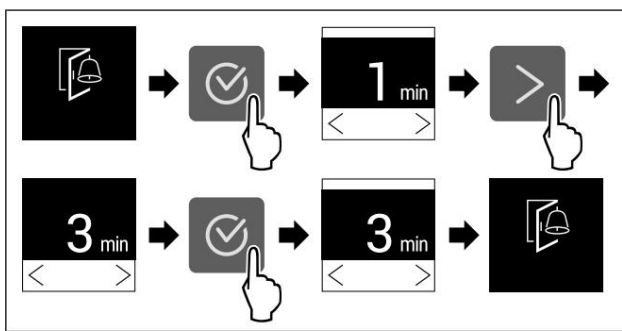
phút

- Tắt

Cài đặt báo động cửa



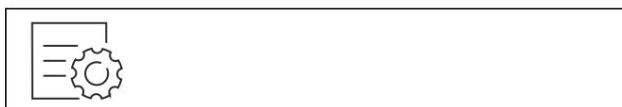
Hình 41



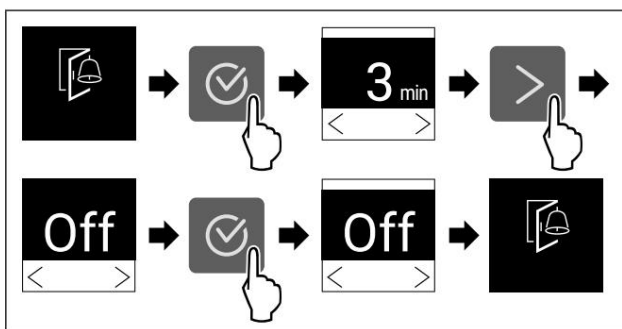
Hình 42 Ví dụ minh họa: Thay đổi báo động cửa từ 1 phút thành 3 phút.

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Đã cài đặt báo động cửa.

Tắt báo động cửa



Hình 44



Hình 45

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Báo động cửa đã bị vô hiệu hóa.



Khóa đầu vào

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt khóa đầu vào. Khóa đầu vào ngăn không cho thiết bị được vận hành một cách vô tình, ví dụ như bởi trẻ em.

Kiểm soát

Ứng dụng:

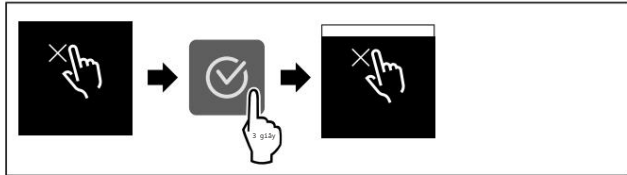
- Tránh việc sửa đổi chức năng một cách vô ý.
- Tránh tắt thiết bị một cách vô ý.
- Tránh cài đặt nhiệt độ không mong muốn.

Kích hoạt khóa đầu vào Nếu bạn

kích hoạt khóa đầu vào, bạn có thể tiếp tục điều hướng trong menu như ng không thể chọn hoặc thay đổi các chức năng khác.



Hình 46



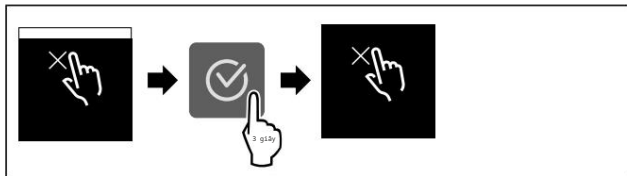
Hình 47

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Khóa đầu vào đư ợc kích hoạt.

Vô hiệu hóa khóa đầu vào



Hình 48



Hình 49

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Khóa đầu vào bị vô hiệu hóa.



Thông tin thiết bị

Sử dụng chức năng này để chỉ ra tên model, chỉ mục, số sê-ri và số dịch vụ của thiết bị của bạn. Bạn sẽ cần thông tin về thiết bị khi liên hệ với dịch vụ khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

Chức năng này cũng mở menu Nâng cao. (xem 3 Chức năng của màn hình cảm ứng)

Chỉ ra thông tin thiết bị



Hình 50



Hình 51

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Màn hình hiển thị thông tin thiết bị.



Phần mềm

Sử dụng chức năng này để chỉ ra phiên bản phần mềm của thiết bị của bạn.

Chỉ ra phiên bản phần mềm



Hình 52



Hình 53

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Màn hình hiển thị phiên bản phần mềm.



Chế độ demo

Chế độ demo là tính năng đặc biệt dành cho các đại lý muốn trình diễn các tính năng của thiết bị. Nếu bạn kích hoạt chế độ demo, tất cả các chức năng làm lạnh sẽ bị vô hiệu hóa.

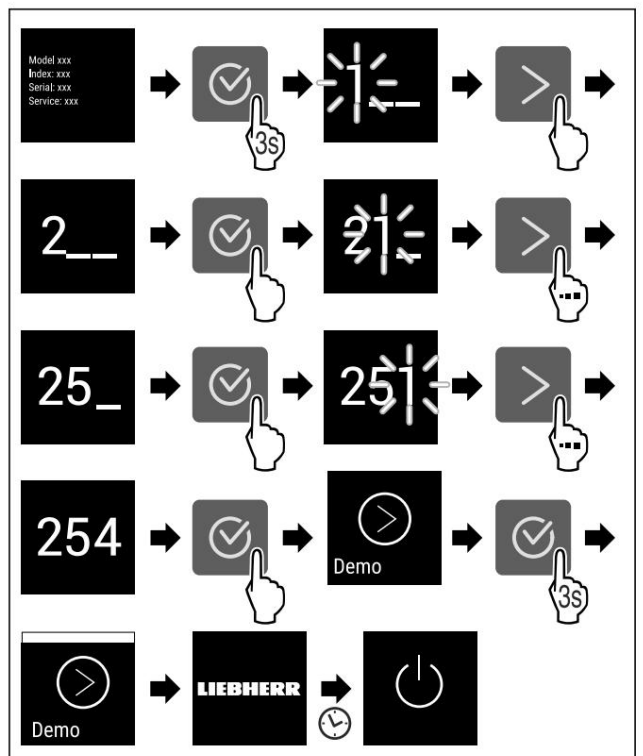
Nếu bạn bật thiết bị và chữ "Demo" xuất hiện trên màn hình trạng thái thì chế độ demo đã đư ợc kích hoạt.

Nếu bạn kích hoạt rồi hủy kích hoạt chế độ demo, thiết bị sẽ đư ợc khôi phục về cài đặt gốc. (xem mục Khôi phục về cài đặt gốc)

Kích hoạt chế độ demo



Hình 54



Hình 55

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chế độ demo được kích hoạt. w Thiết bị

bị đã tắt. u Bật thiết bị. (xem

4.1 Bật thiết bị

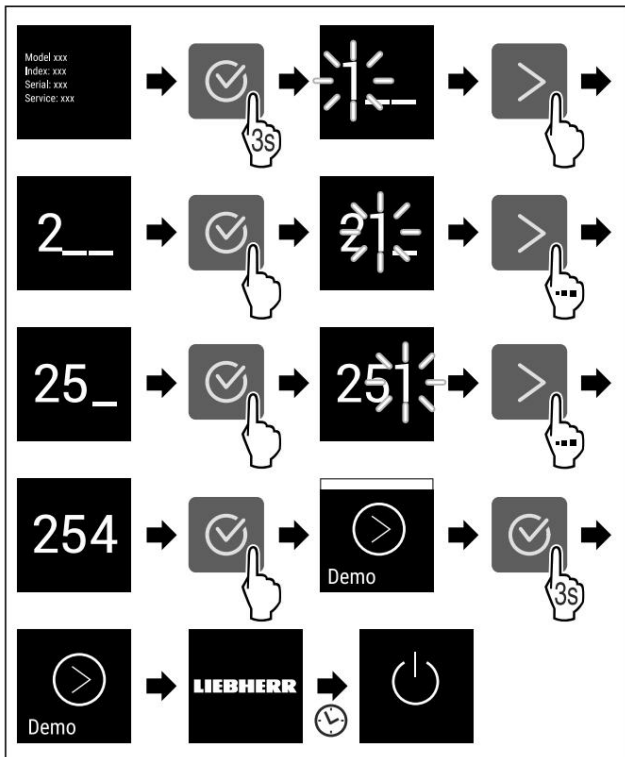
(lần sử dụng

đầu tiên)) w "DEMO" xuất hiện trên màn hình hiển thị trạng thái.

Tắt chế độ demo



Hình 56



Hình 57

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chế độ demo bị vô hiệu hóa. w Thiết bị đã

tắt. u Bật thiết bị. (xem 4.1 Bật

thiết bị

(lần sử dụng

đầu tiên)) Thiết bị được khôi phục về cài đặt gốc.



Đặt lại về cài đặt gốc

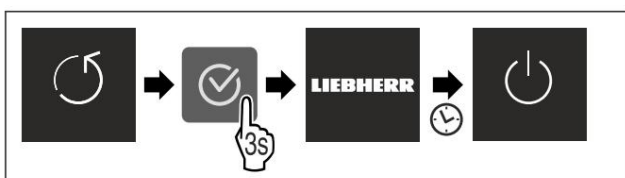
Sử dụng chức năng này để khôi phục tất cả cài đặt về mặc định của nhà sản xuất.

Tất cả các thiết lập bạn đã thực hiện cho đến nay đều được khôi phục về cài đặt gốc.

Thực hiện thiết lập lại



Hình 58



Hình 59

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Thiết bị được đặt lại. w

Thiết bị được tắt. u Khởi

động lại thiết bị. (xem 4.1 Bật thiết bị (đầu tiên

sử dụng))

7.3 Tin nhắn

Có hai loại tin nhắn:

Tầm quan trọng	Của danh mục
Cảnh báo	Cảnh báo sẽ xuất hiện trong trường hợp báo động cửa hoặc cửa bị trục trặc. Bạn có thể tự hủy những cảnh báo đơn giản. Trong trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng, bạn phải liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)
Nhắc nhở	Nhắc nhở nhắc nhở bạn về các quy trình chung. Bạn có thể thực hiện các thao tác này để kết thúc tin nhắn.

7.3.1 Tổng quan về cảnh báo

Hành vi của thiết bị khi có cảnh báo: - Cảnh báo sẽ hiển thị trên màn hình.

- Âm thanh báo thức vang lên với âm lượng ngày một lớn hơn.

Tin nhắn	Gây ra	Ra cái tin nhắn
 Báo động cửa	Thông báo sẽ xuất hiện nếu cửa mở quá lâu.	Thực hiện các bước hành động (xem Báo động cửa).
 Báo động mất điện	Thông báo này sẽ xuất hiện nếu nhiệt độ đóng băng tăng lên do mất điện.	Thực hiện các bước hành động (xem Báo động mất điện).
 Báo động nhiệt độ	Thông báo sẽ xuất hiện nếu nhiệt độ đóng băng không tự động ứng với nhiệt độ đã cài đặt.	Thực hiện các bước hành động (xem Báo động nhiệt độ).
 Lỗi	Thông báo xuất hiện nếu các bước thiết bị. Một thành phần của (xem Lỗi). thiết bị có lỗi.	Thực hiện hành động nếu có lỗi (xem Lỗi).

7.3.2 Kết thúc cảnh báo

Báo động cửa



Hình 60 Ví dụ minh họa

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

-hoặc-

Đặc trưng

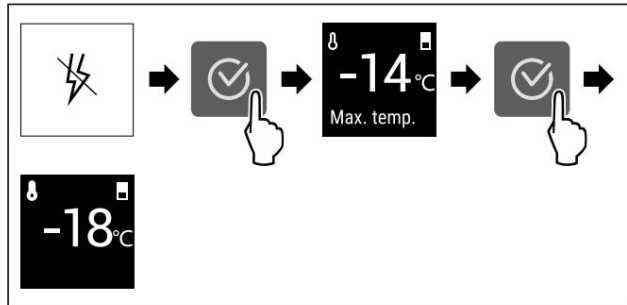
u Đóng cửa lại.

w Màn hình trở về trạng thái chỉ báo.

Bạn có thể cài đặt thời gian cửa có thể mở trước khi chuông báo cửa kêu. (xem Cài đặt chuông báo cửa)

Báo động mất điện Khi mất

điện, thiết bị sẽ nguội xuống nhiệt độ mục tiêu đã cài đặt trước đó.



Hình 61 Ví dụ minh họa u Nhấn biểu

tượng xác nhận. w Nhiệt độ đông lạnh cao nhất được hiển thị. w Nếu nhiệt độ đông lạnh dưới $-9\text{ }^{\circ}\text{C}$: Thực phẩm vẫn có thể tiêu thụ được.

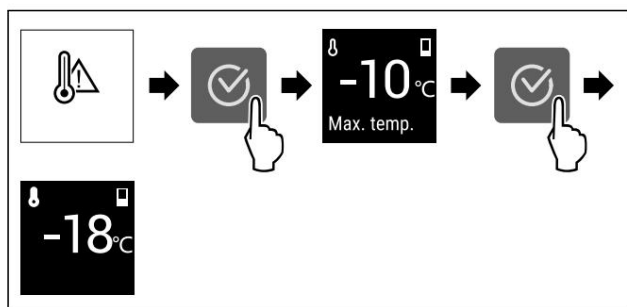
Nếu nhiệt độ đông lạnh tăng trên $-9\text{ }^{\circ}\text{C}$: u Kiểm tra thực phẩm. u Nhấn biểu tượng xác nhận. w Màn hình trở về chỉ báo trạng thái: Nhiệt độ hiện tại và nhiệt độ mục tiêu được hiển thị.

Báo động nhiệt độ Sự

chênh lệch nhiệt độ có thể do: - Bạn cho thực phẩm ẩm, tư i vào.

- Quá nhiều không khí ẩm đã lọt vào trong khi bạn đang sắp xếp tủ đông hoặc lấy đồ ra.
- Mất điện đã kéo dài hơn n.
- Thiết bị bị lỗi. u Loại bỏ nguyên nhân. w Thiết bị nguội đến nhiệt độ mục tiêu đã cài đặt trước đó.

Hãy cách tự nhiên.



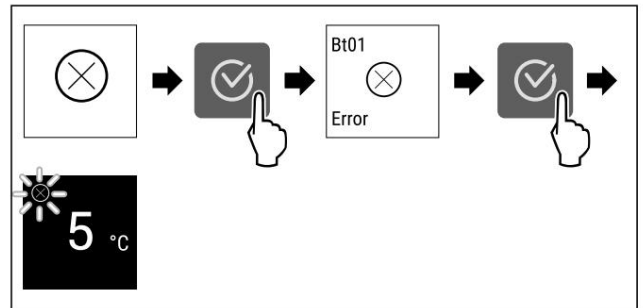
Hình 62 Ví dụ minh họa u Nhấn biểu

tượng xác nhận. w Nhiệt độ đông lạnh cao nhất được hiển thị. w Nếu nhiệt độ đông lạnh dưới $-9\text{ }^{\circ}\text{C}$: Thực phẩm vẫn có thể tiêu thụ được.

Nếu nhiệt độ đóng băng tăng lên trên $-9\text{ }^{\circ}\text{C}$: u Kiểm tra thực phẩm.

u Nhấn biểu tượng xác nhận. w Màn hình trở về chỉ báo trạng thái: Nhiệt độ hiện tại và nhiệt độ mục tiêu được hiển thị.

Lỗi



Hình 63 Ví dụ minh họa u Nhấn

biểu tượng xác nhận. w Mã lỗi được hiển thị. u Ghi lại mã lỗi. u Nhấn biểu tượng xác nhận. w Màn hình trở về chỉ báo trạng thái. u Liên hệ với Dịch vụ khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

7.3.3 Tổng quan về lời nhắc

Hành vi của thiết bị khi có lời nhắc: - Lời nhắc xuất hiện trên màn hình. - Âm thanh báo thức vang lên.

8 Tính năng

8.1 Ngăn kéo

Bạn có thể tháo ngăn kéo để vệ sinh.

Bạn có thể tháo ngăn kéo để sử dụng VarioSpace.

Cách tháo/lắp ngăn kéo khác nhau tùy thuộc vào hệ thống kéo ra. Thiết bị của bạn có thể chứa nhiều hệ thống kéo ra khác nhau.

Đối với các thiết bị có chức năng NoFrost:*

Ghi chú

Tiêu thụ năng lượng tăng lên và công suất làm mát giảm xuống nếu thông gió không đủ.* u Giữ nguyên ngăn kéo dư ở cùng trong thiết bị!* u Luôn giữ lỗ thông gió của quạt thông thoáng ở tư ờng sau!*

Đối với các thiết bị không có NoFrost:*

Ghi chú

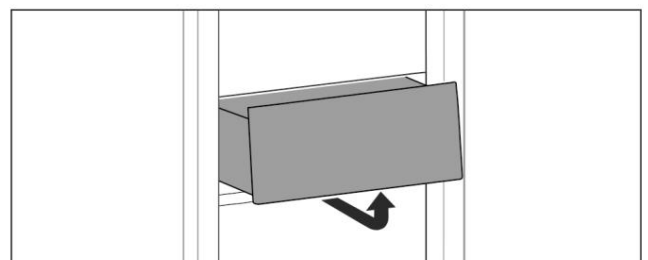
Tiêu thụ năng lượng tăng lên và công suất làm mát giảm xuống nếu thông gió không đủ.* u Luôn giữ lỗ thông gió của quạt thông thoáng ở tư ờng sau!*

8.1.1 Ngăn kéo trên để thiết bị hoặc kệ kính

Ngăn kéo chạy trực tiếp trên để thiết bị hoặc trên kệ kính. Không có thanh ray.

Khi bạn tháo các ngăn kéo ra, bạn có thể sử dụng các kệ kính bên dư ở làm kệ lưu trữ.

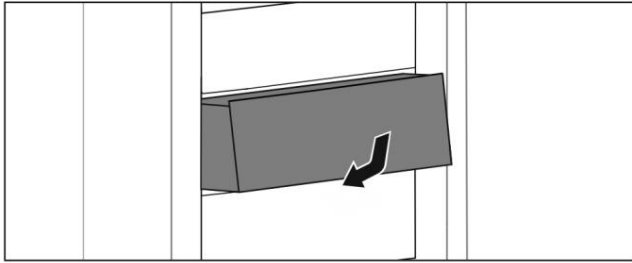
Tháo ngăn kéo



Hình 64

u Tháo ngăn kéo như trong hình minh họa.

Chèn ngăn kéo



Hình 65

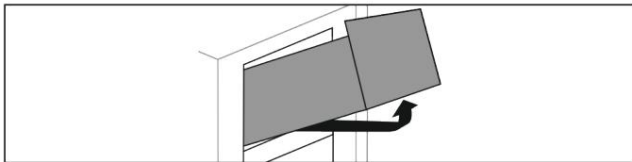
u Lắp ngăn kéo như trong hình minh họa.

8.1.2 Ngăn kéo nghiêng phía trên*

Khi bạn kéo ngăn kéo trên cùng ra, nó sẽ nghiêng về phía trước. Điều này giúp bạn có thể nhìn rõ hơn vào ngăn kéo. Chức năng này phụ thuộc vào chiều cao của thiết bị.

Khi bạn tháo các ngăn kéo nghiêng, bạn có thể sử dụng kệ kính bên dư để làm kệ lưu trữ.

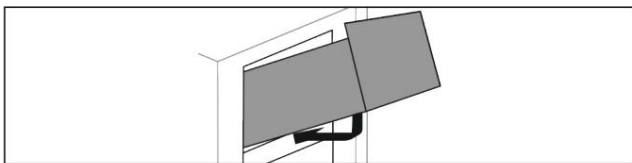
Tháo ngăn kéo



Hình 66

u Kéo ngăn kéo ra xa nhất có thể. u Nâng ngăn kéo lên ở phía trước và đồng thời đẩy ngăn kéo lên từ phía dư. u Tháo ngăn kéo ra phía trước.

Chèn ngăn kéo



Hình 67

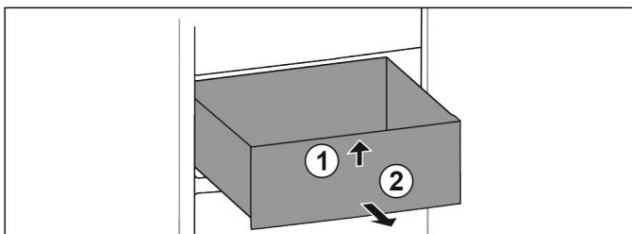
u Vị trí ngăn kéo như minh họa.

w Ngăn kéo nằm trên tấm kính. u Nâng nhẹ ngăn kéo từ phía dư ở phía sau và trượt qua mỗi. u Trượt ngăn kéo vào phía sau.

8.1.3 Ngăn kéo trên gờ đúc

Ngăn kéo chạy trực tiếp trên gờ đúc. Không có thanh ray.

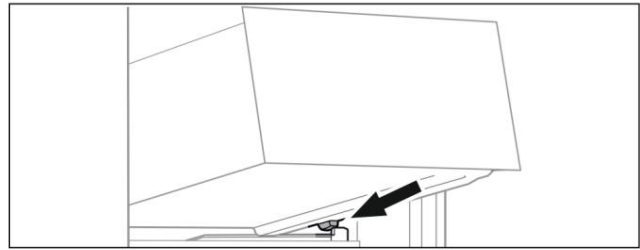
Tháo ngăn kéo



Hình 68

u Kéo ngăn kéo ra xa nhất có thể. u Nâng ngăn kéo lên ở phía trước. Hình 68 (1) u Tháo ngăn kéo ra phía trước. Hình 68 (2)

Chèn ngăn kéo



Hình 69

u Đặt ngăn kéo theo một góc sau các nút chặn trên gờ đúc. (xem Hình 69) u Hạ ngăn kéo xuống. u Trượt ngăn kéo vào phía sau.

8.2 Kệ kính

Bạn có thể tháo các ngăn kính bên dư để ngăn kéo để vệ sinh.

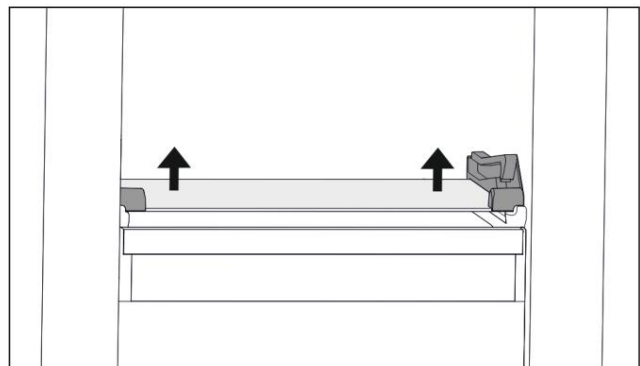
Bạn có thể tháo bỏ các ngăn kính bên dư để ngăn kéo để sử dụng VarioSpace.

8.2.1 Tháo/lắp kệ kính bên dư ở ngăn kéo nghiêng* Kệ kính nằm bên dư ở ngăn kéo nghiêng trên

cùng.

Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: q Ngăn kéo đã được tháo ra. (xem 8.1.2 Ngăn kéo nghiêng trên cùng*)

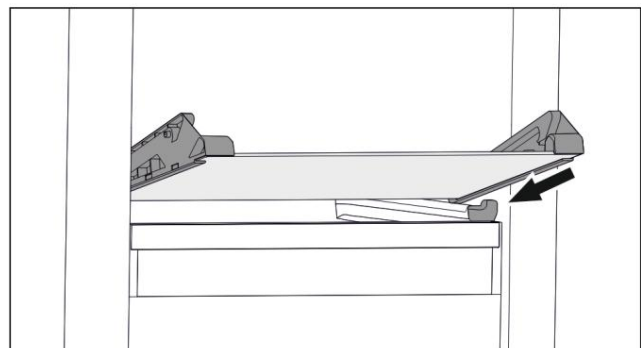
Tháo kệ kính



Hình 70 Kệ kính ngăn kéo nghiêng

u Đẩy kệ kính lên từ phía dư ở cả hai bên. (xem Hình 70) u Tháo kệ kính ra phía trước.

Lắp kệ kính



Hình 71 Kệ kính ngăn kéo nghiêng u

Đặt kệ kính ở một góc phía sau các nút chặn. (xem Hình 71) u Hạ thấp kệ kính. u Trượt kệ kính vào phía sau. w Kệ kính khớp vào đúng vị trí.

BẢO TRÌ

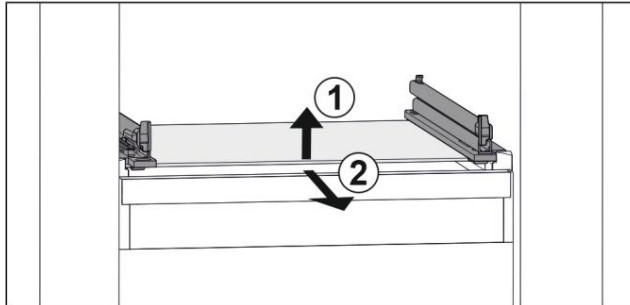
8.2.2 Tháo/lắp kệ kính

Tùy thuộc vào thiết bị, kệ kính có thể nằm bên dưới ngăn kéo.*

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q Kệ kính bên dưới ngăn kéo:

Ngăn kéo đã được tháo ra. (xem 8.1 Ngăn kéo)

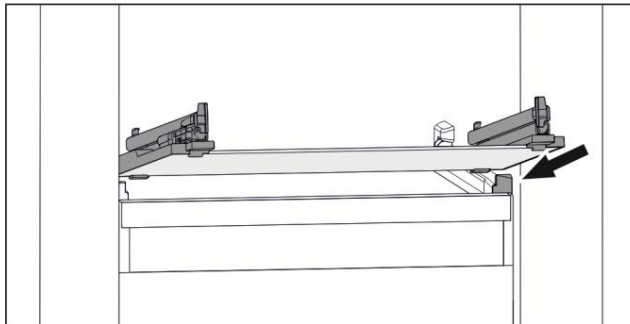
Tháo kệ kính



Hình 72 Ví dụ minh họa về kệ kính

u Nâng kệ kính ở phía trước. Hình 72 (1) u Tháo kệ kính ra phía trước. Hình 72 (2)

Lắp kệ kính



Hình 73 Ví dụ minh họa về kệ kính

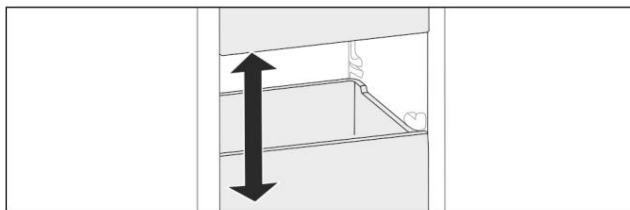
u Đặt kệ kính ở một góc sau nút chặn. (xem

Hình

73) u Hạ kệ kính xuống.

u Trượt kệ kính vào phía sau.

8.3 Không gian đa dạng



Hình 74

Bạn có thể tháo ngăn kéo và tấm kính khỏi thiết bị của mình. Điều này cung cấp nhiều không gian hơn cho các loại thực phẩm lớn như gia cầm, thịt, thú săn lớn và các sản phẩm nướng cao. Sau đó, bạn có thể đông lạnh toàn bộ những món này để chế biến sau. u Lưu ý giới hạn trọng lượng trên ngăn kéo và tấm kính (xem 10.1 Thông số kỹ thuật).

9 Bảo trì

9.1 Tháo rời / lắp ráp hệ thống kéo ra

9.1.1 Lưu ý khi tháo lắp

Bạn có thể tháo rời một số hệ thống kéo ra để vệ sinh. Thiết bị của bạn có thể chứa nhiều hệ thống kéo ra khác nhau.

Các hệ thống kéo ra sau đây có thể tháo rời hoặc không thể tháo rời:

Hệ thống kéo ra	Có thể tháo rời / không thể tháo rời
Ngăn kéo trên để thiết bị hoặc kệ kính	không thể tháo rời
Ngăn kéo nghiêng trên cùng*	Có thể tháo rời (xem 9.1.2 Ngăn kéo nghiêng trên cùng*) *
Ngăn kéo được dẫn hướng trên sườn thùng chứa	(xem là lon đã tháo rời 9.1.3 Ngăn kéo trên đỡ)

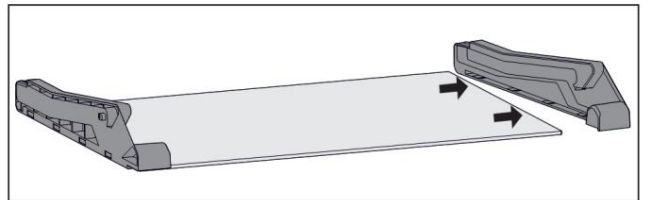
9.1.2 Ngăn kéo nghiêng phía trên*

Tháo rời hệ thống kéo ra Đảm bảo

đáp ứng các điều kiện tiên quyết sau: q Đã tháo ngăn

kéo. (xem 8.1.2 Ngăn kéo nghiêng trên cùng*) q Đã tháo kệ kính.

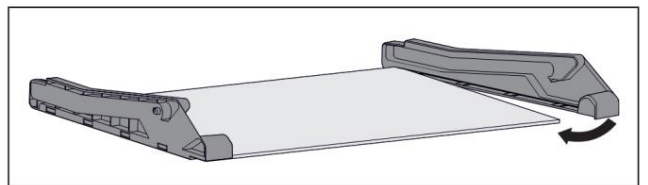
(xem 8.2 Kệ kính)



Hình 75 Kệ kính có các bộ phận bên

Kéo bộ phận bên ra khỏi kệ kính theo chiều ngang.

Lắp đặt hệ thống kéo ra



Hình 76 Kệ kính có các bộ phận bên

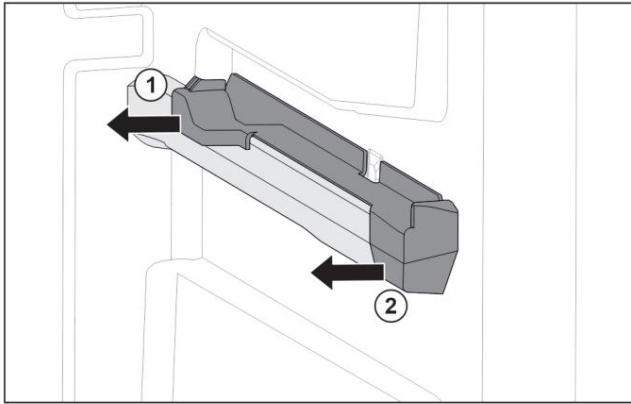
u Đặt phần bên ở phía sau. u Nhấn phần bên vào kệ kính ở phía trước.

9.1.3 Ngăn kéo trên đỡ

Tháo rời hệ thống kéo ra Đảm bảo

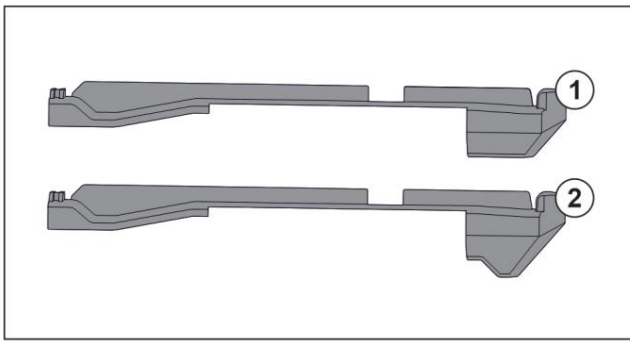
đáp ứng các điều kiện tiên quyết sau: q Ngăn kéo đã

được tháo ra. (xem 8.1.3 Ngăn kéo trên khuôn



Hình 77 Đính kèm trên xử lý ở bên phải và
Nắm đính kèm ở phía sau từ bên dưới. u Kéo đính
kèm ở phía sau sang một bên. Hình 77 (1) u Kéo đính kèm ở phía
trước sang một bên. Hình 77 (2)

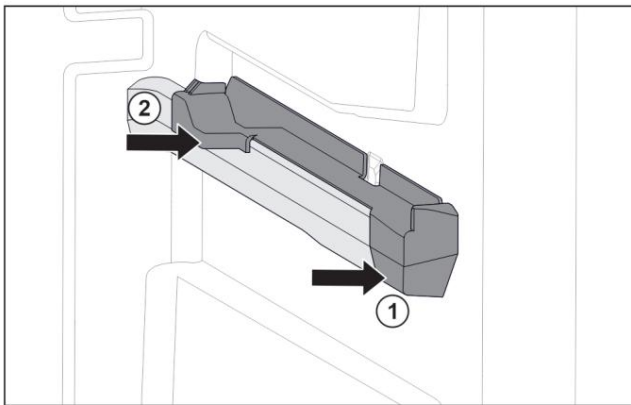
Lắp đặt hệ thống kéo ra



Hình 78 So sánh các phụ kiện Có hai phụ

kiện khác nhau trong thiết bị. Phụ kiện phía trên ngăn kéo thấp nhất Hình 78
(2) có cạnh ba góc. Tất cả các phụ kiện khác Hình 78 (1) có cạnh thẳng. u
Lắp phụ kiện Hình 78 (2) với cạnh ba góc phía trên ngăn kéo thấp nhất.

u Lắp phụ kiện Hình 78 (1) bằng cạnh thẳng ở tất cả các phần khác
vị trí.



Hình 79 Gắn vào gờ đúc bên phải u Đặt gắn vào gờ
đúc ở phía trước.

Hình 79

(1) u Nhấn vào phần đính kèm ở phía sau. Hình 79 (2)

9.2 Rã đông thiết bị



CẢNH BÁO Rã

đông thiết bị không đúng cách!* Gây thương tích
và hư hỏng. u Không sử

dụng thiết bị cơ học hoặc các phương pháp khác để đẩy nhanh quá trình rã
đông ngoài những phương pháp được nhà sản xuất khuyến nghị.

u Không sử dụng thiết bị sưởi ấm bằng điện hoặc thiết bị làm sạch bằng
hơi i nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt chống đóng băng để rã
đông. u Không sử dụng vật sắc nhọn để loại bỏ băng.

9.2.1 Rã đông bằng NoFrost*

Việc rã đông được thực hiện tự động với hệ thống NoFrost. Độ ẩm được
lắng đọng trên bộ phận bay hơi, được rã đông định kỳ và bốc hơi i.

Thiết bị không cần phải rã đông.

9.2.2 Rã đông ngăn đông thủ công*

9.2.2 Rã đông thủ công Một lớp

sử dụng giá hoặc băng sẽ hình thành sau thời gian dài sử dụng.

Các yếu tố sau đây thúc đẩy sự hình thành sử dụng giá hoặc băng: -

Thiết bị được mở thường xuyên.

- Cho thức ăn nóng vào.

Một ngày trước khi rã đông:

u Kích hoạt SuperFrost. (xem 7.2 Chức năng của thiết bị) w

Thực phẩm đông lạnh có "độ lạnh còn sót lại". u Tắt

thiết bị. u Rút phích cắm điện

ra khỏi ổ cắm hoặc chuyển cầu chì
tắt.

u Bọc sản phẩm đông lạnh trong báo hoặc chăn và

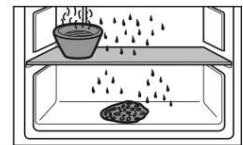
Bảo quản ở nơi thoáng mát. u Đặt

một nồi nước nóng (không sôi) lên kệ giữa. -hoặc- u Đổ đầy một nửa

nước ấm vào hai ngăn kéo dưới cùng và đặt vào

bên

trong thiết bị.



w Điều này làm tăng tốc quá trình rã đông. w

Nước từ quá trình rã đông được thu thập trong
ngăn kéo.

u Để cửa thiết bị mở trong quá trình rã đông. u Loại bỏ các

mảnh đá đã rã đông. u Đảm bảo rằng không

có nước đá tan chảy trong

tủ.

u Thấm nước đá tan chảy bằng miếng bọt biển hoặc vải nhiều lần nếu cần.

u Vệ sinh thiết bị. (xem 9.3 Vệ sinh thiết bị)

9.3 Vệ sinh thiết bị

9.3.1 Sẵn sàng



CẢNH BÁO Nguy

cơ điện giật! u Tháo đầu nối

tủ lạnh hoặc ngắt nguồn điện

cung cấp.



CẢNH BÁO Nguy

cơ hỏa hoạn

u Không làm hỏng mạch làm lạnh.

Trợ giúp khách hàng

u Làm rỗng thiết bị. u Tháo đầu nối nguồn điện.

9.3.2 Vệ sinh bên trong

LƯU Ý Vệ

sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. u Chỉ sử dụng

vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng trung tính pH
ngư ời dọn dẹp.

u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước.
u Không sử dụng bất

kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa
cát, clohua hoặc axit.

u Bề mặt nhựa: vệ sinh bằng tay với vải mềm sạch, nư ớc ấm và một ít chất tẩy
rửa. u Bề mặt kim loại: vệ sinh bằng tay với vải
mềm sạch, nư ớc ấm và một ít chất tẩy rửa.

9.3.3 Vệ sinh các thành phần

LƯU Ý Vệ

sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. u Chỉ sử dụng

vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng trung tính pH
ngư ời dọn dẹp.

u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước.
u Không sử dụng bất

kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa
cát, clohua hoặc axit.

Vệ sinh bằng vải mềm, sạch, nư ớc ấm và một ít chất tẩy rửa:

- Ngăn kéo
- Khay đông lạnh*

Rửa bằng máy rửa chén ở nhiệt độ lên đến 60 °C:

- Khay đựng đá viên*

u Để tháo rời các bộ phận: xem phần có liên quan. u Vệ sinh các bộ phận.

9.3.4 Sau khi vệ sinh u Lau khô

thiết bị và các bộ phận. u Kết nối và bật thiết bị. u Kích hoạt SuperFrost (xem 7.2 Chức năng của thiết bị).

Nhiệt độ đủ lạnh: u Đặt thực phẩm vào bên
trong. u Lập lại việc vệ sinh
thư ờng xuyên.

10 Trợ giúp khách hàng

10.1 Thông số kỹ thuật

Phạm vi nhiệt độ	
Đông cứng	-28 °C đến -15 °C
Lư ợng đông lạnh tối đa/24 giờ Ngăn đông	
lạnh- Xem "Công suất đông lạnh . /24 giờ" trên nhãn loại	

Công suất thành phần tối đa			
Đặc trưng	Chiều rộng thiết bị 550 mm (xem hư ớng dẫn lắp đặt, kích thước thiết bị)	Chiều rộng thiết bị 600 mm (xem hư ớng dẫn lắp đặt, kích thước thiết bị)	Chiều rộng thiết bị 700 mm (xem hư ớng dẫn lắp đặt, ứng dụng kích thước an toàn)
Ngăn kéo trên kệ kính 12 kg (xem 8.1.1 Ngăn kéo trên để thiết bị hoặc kệ kính)		15kg	--
Ngăn kéo trên xử ợng sứ ờn đúc (xem 8.1.3 Ngăn kéo trên gỡ ớc)	14kg	19kg	19kg

10.2 Tiếng ồn khi vận hành Thiết bị phát

ra những tiếng ồn khác nhau khi hoạt động.

- Ở nhiệt độ cao hơn n, thiết bị sử dụng ít năng lư ợng hơn như ng hoạt động lâu hơn. Nó yên tĩnh hơn n.
- Ở nhiệt độ thấp hơn n, thực phẩm đư ợc làm mát nhanh hơn n. to hơn n.

Ví dụ: •

- Chức năng bật (xem 7.2 Chức năng của thiết bị) • Quạt đang chạy* • Thực phẩm mới thêm vào • Nhiệt độ môi trư ờng cao • Cửa mở trong một thời gian

Tiếng ồn	Nguyên nhân có thể	Loại tiếng ồn
Sú ỉ bọt bắn tung tóe	Và Chất làm mát chảy vào mạch làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thư ờng
Tiếng rít	Chất làm mát phun vào mạch làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thư ờng
Tiếng vo ve	Thiết bị Hoạt động bình thư ờng là làm mát. Âm lư ợng tiếng ồn phụ thuộc vào công suất làm mát.	
Tiếng hút*	Cửa đóng êm Hoạt động bình thư ờng là mở ra có tiếng ồn* và đóng lại.*	
Tiếng xào xạc rì rào*	Và Quạt đang chạy.* Các thành là	Tiếng ồn hoạt động bình thư ờng*
Nhấp chuột	phần là công tắc bình thư ờng đư ợc bật và tiếng ồn đư ợc tắt.	
Tiếng vo ve lạch cạch	hoặc Van hoặc nắp hoạt động bình thư ờng. Tiếng ồn	

Tiếng ồn	Khả thi gây ra	Loại tiếng ồn Nâng	
Rung động	Cài đặt không đúng cách	Tiếng ồn bị lỗi	Kiểm tra cài đặt. Cân bằng thiết bị.
Tiếng lạch cách	Linh kiện, vật dụng bên trong thiết bị	Tiếng ồn bị lỗi	Các thành phần an toàn. Chứa đủ khoảng trống giữa các vật dụng.

10.3 Lỗi kỹ thuật

Thiết bị của bạn được thiết kế và chế tạo để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy và có tuổi thọ cao. Trong trường hợp không may xảy ra lỗi trong quá trình vận hành, vui lòng kiểm tra xem lỗi có phải do lỗi vận hành không. Nếu có, bạn sẽ phải trả phí gọi điện và chi phí sửa chữa ngay cả khi vẫn còn trong thời hạn bảo hành.

Bạn có thể tự mình sửa những lỗi sau.

10.3.1 Chức năng của thiết bị

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp khắc phục
Thiết bị không hoạt động.	Thiết bị chưa được bật. u Bật thiết bị.	
	Phích cắm điện không được cắm đúng cách vào ổ cắm.	u Kiểm tra phích cắm điện.
	Có điều gì đó không ổn với cầu chì ổ cắm điện.	u Kiểm tra cầu chì.
	Mất điện	u Giữ thiết bị đóng kín. u Bảo vệ thực phẩm: Đặt túi lạnh lên trên thực phẩm hoặc sử dụng tủ đông khác nếu mất điện lâu hơn. u Không đóng lại thực phẩm đã rã đông,
Nhiệt độ không đủ lạnh.	Ổ cắm IEC không được cắm đúng cách vào thiết bị.	u Kiểm tra ổ cắm IEC.
	Cửa thiết bị không được đóng đúng cách.	u Đóng cửa thiết bị.
	Không đủ thông gió.	u Giữ lưới thông gió sạch sẽ và vệ sinh sạch sẽ. u Giải pháp cho vấn đề: (xem 1.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị)
	Nhiệt độ môi trường quá cao.	u Đặt xem nhiệt độ cần thiết có tự điều chỉnh hay không. Nếu không, hãy liên hệ với Dịch vụ khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)
	Thiết bị được mở quá nhiều lần hoặc quá lâu.	u Giải pháp: (xem SuperFrost)
	Có quá nhiều thực phẩm tươi sống được để bên trong tủ mà không có chức năng SuperFrost.	u Giảm nhiệt độ xuống và kiểm tra sau 24 giờ.
	Nhiệt độ được cài đặt không đúng. u Giảm nhiệt độ xuống và kiểm tra sau 24 giờ.	u Di chuyển thiết bị hoặc nguồn nhiệt.
	Thiết bị quá gần nguồn nhiệt (lò nướng, lò tản nhiệt, v.v.).	u Kiểm tra xem thiết bị đã được lắp đặt đúng cách chưa và lắp vào hốc chứa a. cửa đóng đúng cách.
Gioăng cửa bị lỗi hoặc cần thay thế vì lý do khác.	Có thể thay thế gioăng cửa. Có thể thay thế mà không cần dụng cụ chuyên dụng.	u Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ Khách hàng)
Thiết bị tích tụ quá nhiều đá hoặc hơi nước ngưng tụ.	Gioăng cửa có thể bị trượt ra ngoài. Kiểm tra xem gioăng cửa có được lắp chặt vào rãnh của nó không.	
Tập trung đá ở mặt trong tại trung tâm nắp thiết bị.*	Sự tích tụ băng này là bình thường. Các tính chất vật lý khiến băng tích tụ bên trong phần trên cùng của ứng dụng. anne.	u Dùng dụng cụ nạo để loại bỏ đá.



home.liebherr.com/fridge-manuals

EN Tủ đông tích hợp

Ngày phát hành: 20241205

Mã số sản phẩm: 7088439-00